

Số: 70 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 02 tháng 7 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Văn bản số 675/VPCP-KTN ngày 28/01/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc giao chủ trì, tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng KKT Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kết luận số 299-KL/TU ngày 05/02/2018, Kết luận số 141-KL/TU ngày 01/6/2018, Kết luận số 430-KL/TU ngày 22/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đề án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh Thanh Hóa trình HĐND tỉnh thông qua đề án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

### **1. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch.**

Khu kinh tế Nghi Sơn đã và đang khẳng định được là một khu kinh tế ven biển có sức hấp dẫn thu hút được nhiều dự án đầu tư, có hệ thống kỹ thuật hạ tầng được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại. Đến nay, đã thu hút được 175 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư: 110.179 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt 45.595 tỷ đồng và 19 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đầu tư 12.859 triệu USD, vốn thực hiện đạt 8.729 triệu USD. Trong đó, có các dự án quan trọng như: Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Xi măng Nghi Sơn, Trung tâm Nhiệt điện Nghi Sơn, Cảng nước sâu Nghi Sơn... Góp phần thu hút các loại hình công nghiệp có công nghệ hiện đại, tăng năng suất lao động, giải quyết nhiều việc làm, tạo đà tăng trưởng nhanh bền vững, tạo động lực lôi kéo sự phát triển kinh tế xã hội trong khu vực và các vùng phụ cận.

Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg, ngày 12/6/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, Khu kinh tế Nghi Sơn được mở rộng diện tích từ 18.611,8 ha lên 106.000 ha (bao gồm: 66.497,57ha đất liền và đảo, 39.502,43ha mặt nước).

Việc mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn nhằm đáp ứng yêu cầu: Tạo ra một động lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và khu vực; giải quyết nhu cầu thiếu đất để bố trí các loại hình công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp nhẹ, chế biến nông lâm, thủy hải sản...; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch trong khu kinh tế; giải quyết nhu cầu phát triển đô thị, đáp ứng nhu cầu nơi ở cho các cán bộ, công nhân, người lao động các ngành công nghiệp; dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí cho người dân đô thị; điều chỉnh, bổ sung một số khu chức năng và hạ tầng kỹ thuật trong khu kinh tế có nhiều bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện vừa qua.

Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn đồng bộ và hiện đại với tiêu chí đô thị loại I theo hướng sinh thái, bền vững theo mô hình thành phố thông minh; kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng an ninh.

Điều chỉnh, mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn chính là tranh thủ thời cơ, cơ hội thuận lợi để khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của khu kinh tế và tỉnh Thanh Hóa cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong xu thế hội nhập toàn cầu, sớm đưa Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành một trọng điểm kinh tế ven biển năng động với chức năng Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ - Du lịch.

Với lý do, sự cần thiết trên việc lập Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết và cấp bách.

## **2. Giới hạn lập quy hoạch:**

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm: toàn bộ diện tích huyện Tĩnh Gia (12 xã trong Khu kinh tế Nghi Sơn cũ và các xã còn lại của huyện Tĩnh Gia); 03 xã Yên Mỹ, Công Bình, Công Chính (thuộc huyện Nông Cống) và 03 xã Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc (thuộc huyện Như Thanh).

Tổng diện tích lập quy hoạch: 106.000 ha (trong đó có 66.497,57 ha đất liền, hải đảo và 39.502,43 ha mặt nước biển). Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quảng Xương;
- Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;
- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp các xã: Tượng Văn, Tượng Lĩnh, Tượng Sơn, Công Liêm (huyện Nông Cống); Vườn Quốc gia Bến En, xã Phúc Đường (huyện Như Thanh).

## **3. Mục tiêu**

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia nói chung và chiến lược phát triển biển Việt Nam nói riêng;

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn thành khu vực phát triển năng động, đột phá, nhanh và bền vững, một trọng điểm phát triển phía Nam vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là trung tâm thu hút về đầu tư và trung chuyển hàng hóa của vùng và khu vực; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh;

- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn thành một khu vực phát triển công nghiệp tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu với trọng tâm là công nghiệp lọc - hoá dầu và công nghiệp cơ bản; có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả;

- Tạo nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước hình thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực;

- Từ nay đến năm 2025, hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, triển khai một số công trình hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn. Sau năm 2025, phát triển đồng bộ về công nghiệp; dịch vụ; thương mại; tài chính; văn hóa – xã hội; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; gắn phát triển kinh tế xã hội với an ninh quốc phòng. Đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu đô thị sinh thái, thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn cao; phát triển theo mô hình đô thị xanh và bền vững; phấn đấu trở thành một khu vực đô thị phát triển năng động và hiện đại;

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành “Thành phố công nghiệp xanh”, hướng tới là đô thị thông minh, đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, có quy mô dân số 500.000 người vào năm 2035, có môi trường sống tốt, xanh, sạch đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, sinh kế cho người dân sống trong khu vực, nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

#### **4. Tính chất**

- Là Khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản, gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn; vận hành theo cơ chế ưu đãi đặc biệt; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và khu vực Bắc Miền Trung;

- Là cụm đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại với trung tâm là thành phố công nghiệp Nghi Sơn và các đô thị Hải Ninh, Yên Mỹ, Thanh Tân, được phát triển theo mô hình đô thị Thông minh - Xanh - Bền vững;

- Là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn;

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh - quốc phòng.

#### **5. Tầm nhìn**

Khu kinh tế Nghi Sơn hướng tới là một khu vực phát triển bền vững, trù phú, thịnh vượng; phát triển thống nhất với các chiến lược quy hoạch của quốc gia và tỉnh Thanh Hóa.

Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ trở thành khu kinh tế trọng điểm của cả nước và có tầm vóc quốc tế, cơ bản trải qua 03 thời kỳ phát triển quan trọng đó là:

- *Giai đoạn từ nay đến 2025*: Tiếp tục vai trò là khu kinh tế trọng điểm của cả nước, xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp (nặng, phụ trợ, sử dụng nhiều lao động). Hình thành đô thị, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

- *Giai đoạn 2026-2035*: Thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường. Gia tăng thu nhập dân cư, tăng tốc độ đô thị hóa, thúc đẩy phát triển mạnh du lịch, dịch vụ, phát triển thị trường tài chính, đáp ứng quốc tế hóa. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển đô thị thông minh.

- *Giai đoạn sau 2035*: Thay đổi ngành nghề công nghiệp (thu hút các công nghiệp nhẹ - mỏng - ngắn - nhỏ thay thế các loại hình nặng - dày - dài - lớn). Hoàn thiện đô thị thông minh, phát huy đầu tư của doanh nghiệp nội địa, phát triển nhà ở, xây dựng thị trường tài chính mới. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, ổn định kinh tế, gia tăng thu nhập người dân một cách bền vững.

## **6. Định hướng quy hoạch tổng thể khu kinh tế**

### **6.1. Định hướng tổ chức không gian**

Quy hoạch không gian tổng thể Khu kinh tế Nghi Sơn được triển khai theo phân khu (diện) và mạng lưới (tuyến) như sau:

- Hình thành mạng lưới kết nối các khu vực đô thị, lấy khu vực đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia làm trung tâm tổng hợp của Khu kinh tế Nghi Sơn, gắn với các chức năng hành chính, giáo dục, R&D và nhà ở đô thị;

- Hình thành 02 vành đai xanh dựa trên hệ thống núi rừng hiện hữu trong khu kinh tế. Vành đai thứ nhất là vùng đồi núi bao quanh vùng lõi khu kinh tế gồm: Khu vực khu kinh tế cũ và khu vực Đô thị trung tâm đô thị Tĩnh Gia; vành đai thứ 2 là vùng đồi núi bao quanh khu vực phía Tây và phía Đông Bắc của khu kinh tế mở rộng;

- Hình thành Trục cảnh quan đô thị chủ đạo của khu kinh tế theo hướng Tây Bắc - Đông Nam từ đỉnh núi Các Sơn (là đỉnh núi cao nhất trong khu vực) nối thẳng vị trí quy hoạch ga đường sắt trung tâm, hướng tới đảo Mê. Các không gian chính và điểm nhấn đô thị được tổ chức xoay quanh trục chủ đạo này;

- Phân vùng đất liền Khu kinh tế Nghi Sơn thành 05 khu vực như sau:

+ Khu vực cảng Nghi Sơn và phụ cận (gồm các xã Nghi Sơn, Hải Hà, Hải Thượng, Hải Yến, Mai Lâm, Tĩnh Hải, Hải Bình): Là khu vực trọng điểm phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn. Trong đó tập trung phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp phụ trợ, tổng kho xăng dầu và hóa chất, các kho xăng dầu, khí hóa lỏng, cảng biển, dịch vụ logistic, hậu cần cảng và một số chức năng khác;

+ Khu vực cửa ngõ phía Nam (các xã Tùng Lâm, Tân Trường, Trường Lâm, Phú Lâm): Là khu vực phát triển logistics, cảng cạn, công nghiệp phụ trợ, cơ khí chế tạo, vật liệu xây dựng, vv... Đây là khu vực trọng yếu về giao thông với Quốc lộ 1A, nút giao đường bộ cao tốc, đường sắt Bắc Nam, ga và đường sắt cao tốc. Là khu vực cửa ngõ của tỉnh Thanh Hoá và Khu kinh tế Nghi Sơn ở phía Nam, hình thành liên kết vùng với thị xã Hoàng Mai và tỉnh Nghệ An;

+ Khu vực đô thị trung tâm (gồm Thị trấn Tĩnh Gia và các xã Ninh Hải, Hải Hoà, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyên Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm): Là trung tâm Thành phố với các hoạt động thương mại, dịch vụ, hành chính – chính trị, văn hóa – xã hội, vv... Khu đất phía Tây khu đô thị trung tâm phát triển chuyên biệt về giáo dục, đào tạo và công nghiệp triển khai R&D, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Khu vực Đông Bắc (các xã Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Triệu Dương, Ngọc Lĩnh, Hùng Sơn, Định Hải, Anh Sơn... và trung tâm là khu đô thị Hải Ninh): Là cửa ngõ phía Bắc của Khu kinh tế Nghi Sơn, có dải ven biển dài 15km. Quy hoạch phát triển du lịch biển kết hợp với đô thị; phát triển khu công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến thủy, hải sản, tổng kho đông lạnh gắn với tuyến tránh Quốc lộ 1A và đường đi Cảng hàng không Thọ Xuân;

+ Khu vực phía Tây (các xã Công Chính, Công Bình, Yên Mỹ, Các Sơn, Phú Sơn, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ): Là khu vực đồi núi, sông hồ phía Tây với trung tâm là hồ Yên Mỹ, phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên trở thành khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí của Khu kinh tế Nghi Sơn, ngoài ra khai thác phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch, chế biến nông, lâm sản.

## **6.2. Quy hoạch sử dụng đất:**

Bố trí quỹ đất phát triển các khu công nghiệp đảm bảo tính liên kết với hệ thống giao thông, cảng biển, lựa chọn đất xây dựng giảm thiểu việc di dân tái định cư, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, hạn chế rủi ro ngập lụt, tăng mức độ mạch lạc của không gian. Sau năm 2035 sẽ phát triển thêm 3.000 ha đất công

nghiệp về phía Tây Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn theo trục đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

Bố trí quỹ đất phát triển các khu chức năng khác (du lịch, dịch vụ, thương mại, công trình đầu mối, vv...) tại các vị trí thuận lợi, đảm bảo tính liên kết và hỗ trợ giữa các khu chức năng với nhau.

Bố trí quỹ đất phát triển các khu dân cư đảm bảo nhu cầu của người dân, đáp ứng sự phát triển của các khu chức năng trong khu kinh tế.

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất như bảng sau:

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QH GIAI ĐOẠN 2025	QH GIAI ĐOẠN 2035	
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QH</b>	<b>106000,0</b>	<b>106000,0</b>	<b>106000,0</b>	<b>100,0</b>
*	<b>DIỆN TÍCH ĐẤT LIỀN VÀ ĐÀO</b>	<b>66497,6</b>	<b>66497,6</b>	<b>66497,6</b>	<b>62,7</b>
A	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>	<b>4866,5</b>	<b>7220,7</b>	<b>9528,0</b>	<b>9,0</b>
I	<b>Đất dân dụng</b>	<b>3044,7</b>	<b>4470,3</b>	<b>5289,3</b>	<b>5,0</b>
1	Đất đơn vị ở khu vực nội thị	2234,6	3156,5	3594,0	3,4
1.1	Đất ở hiện trạng đô thị	2234,6	2198,0	2148,0	2,0
1.2	Đất ở phát triển	-	958,5	1446,0	1,4
2	Đất công cộng dịch vụ đô thị	51,7	189,8	227,3	0,2
3	Đất cây xanh công viên đô thị	5,3	323,0	443,0	0,4
4	Đất giao thông đô thị	753,1	801,0	1025,0	1,0
II	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>1821,8</b>	<b>2750,4</b>	<b>4238,7</b>	<b>4,0</b>
1	Đất thương mại dịch vụ ngoài dân dụng	158,6	412,0	883,0	0,8
2	Đất giáo dục đào tạo	22,6	209,0	209,0	0,2
3	cây xanh cảnh quan	0,0	334,0	414,0	0,4
4	Đất công trình đầu mối	65,4	142,5	231,2	
4.1	Khu xử lý rác thải	31,2	40,0	108,7	0,1
4.2	Ga dân dụng	5,5	12,5	12,5	0,0
4.3	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khác	28,7	90,0	110,0	0,1
5	Đất giao thông đối ngoại	1575,2	1652,9	2501,5	2,4
B	<b>ĐẤT CÁC KHU CHỨC NĂNG ĐẶC THÙ KHÁC</b>	<b>61631,1</b>	<b>59276,9</b>	<b>56969,6</b>	<b>53,7</b>
1	<b>Đất công nghiệp, kho tàng</b>	<b>2463,0</b>	<b>7322,2</b>	<b>9058,4</b>	<b>8,5</b>
1.1	Khu Đông Bắc	0,0	1258,0	1720,0	1,6
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ...	0,0	954,0	1392,0	1,3
-	Công nghiệp chế biến thủy hải sản	0,0	304,0	328,0	0,3
1.2	Khu trung tâm	15,0	781,0	781,0	0,7
-	Công nghiệp triển khai R&D	0,0	590,0	590,0	0,6
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sạch	15,0	191,0	191,0	0,2
1.3	Khu cảng Nghi Sơn	2398,0	2778,4	2778,4	2,6

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QH GIAI ĐOẠN 2025	QH GIAI ĐOẠN 2035	
-	Công nghiệp nặng, công nghiệp cơ bản, CN Phụ trợ	2197,0	2508,0	2508,0	2,4
-	Kho tàng, tổng kho	160,0	229,4	229,4	0,2
-	Công nghiệp chế biến thủy hải sản	41,0	41,0	41,0	0,0
1.4	Khu cửa ngõ phía Nam	50,0	1014,8	1372,0	1,3
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp vật liệu xây dựng	50,0	934,8	1279,0	1,2
-	Cảng cạn, logistics	0,0	80,0	93,0	0,1
1.5	Khu phía Tây	0,0	1490,0	2407,0	2,3
-	Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, chế biến nông lâm sản...	-	1320,0	2060,0	1,9
-	Công nghiệp điện năng lượng mặt trời	-	170,0	347,0	0,3
<b>2</b>	<b>Đất cảng</b>	<b>100,3</b>	<b>618,2</b>	<b>741,2</b>	<b>0,7</b>
2.1	Bến thủy nội địa Khu Đông Bắc	2,9	6,2	6,2	0,0
2.2	Cảng biển Nghi Sơn	97,4	612,0	735,0	0,7
<b>3</b>	<b>Đất khu sinh thái, khu dịch vụ du lịch</b>	<b>185,0</b>	<b>4770,0</b>	<b>6711,9</b>	<b>6,3</b>
3.1	Khu du lịch biển	17,0	369,0	432,1	0,4
3.2	Khu du lịch sinh thái	168,0	4401,0	6279,9	5,9
-	Khu sinh thái, công viên chuyên đề, sân Golf hồ Hao Hao	0,0	1109,0	1619,0	1,5
-	Khu sinh thái hồ Khe Sanh	0,0	0,0	92,7	0,1
-	Khu sinh thái sông Bạng	0,0	890,0	890,0	0,8
-	Khu sinh thái hồ Quế Sơn	120,0	160,0	160,0	0,2
-	Khu sinh thái đảo Nghi Sơn	48,0	126,6	126,6	0,1
-	Khu sinh thái rừng Trường Lâm	0,0	553,9	553,9	0,5
-	Khu sinh thái, sân golf sông Tuấn, hồ Kim Giao 2	0,0	373,5	501,0	0,5
-	Khu sinh thái, sân golf hồ Yên Mỹ	0,0	800,0	1660,0	1,6
-	Khu phục vụ du lịch hồ Yên Mỹ	0,0	50,0	101,7	0,1
-	Khu sinh thái hồ Khe Lau	0,0	100,0	337,0	0,3
-	Khu sinh thái đảo Hòn Mê	0,0	238,0	238,0	0,2
<b>4</b>	<b>Đất ở hiện trạng nông thôn</b>	<b>2304,3</b>	<b>1811,0</b>	<b>1333,8</b>	<b>1,3</b>
<b>5</b>	<b>Đất an ninh, quốc phòng</b>	<b>633,5</b>	<b>450,0</b>	<b>411,2</b>	<b>0,4</b>
<b>6</b>	<b>Đất di tích, tôn giáo tín ngưỡng</b>	<b>57,8</b>	<b>160,5</b>	<b>360,5</b>	<b>0,3</b>
<b>7</b>	<b>Đất khu nghĩa trang</b>	<b>509,8</b>	<b>375,2</b>	<b>100,0</b>	<b>0,1</b>
-	Nghĩa trang Núi Bọm	-	20,0	30,0	0,0
-	Nghĩa trang Nguyên Bình	19,3	40,0	70,0	0,1
-	Các khu nghĩa trang khác	490,5	315,2	0,0	0,0
<b>8</b>	<b>cây xanh ven sông</b>	<b>679,3</b>	<b>666,5</b>	<b>656,0</b>	<b>0,6</b>
<b>9</b>	<b>Đất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</b>	<b>47708,3</b>	<b>38759,7</b>	<b>33428,5</b>	<b>31,5</b>
9.1	Đất lâm nghiệp (một phần diện tích đất lâm nghiệp nằm trong các khu du lịch sinh thái)	29077,2	27784,8	26605,3	25,1



STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QH GIAI ĐOẠN 2025	QH GIAI ĐOẠN 2035	
-	Đất rừng phòng hộ	6539,2	7721,5	7721,5	7,3
-	Đất rừng sản xuất	22538,0	20063,3	18883,8	17,8
9.2	Đất nuôi trồng thủy sản	1251,3	1121,0	834,0	0,8
9.3	Đất sản xuất nông nghiệp	17177,8	9815,2	5950,5	5,6
-	Đất lúa	7879,2	5566,5	3013,0	2,8
-	Đất trồng cây hàng năm	4836,1	2714,5	1847,0	1,7
-	Đất trồng cây lâu năm	4462,5	1534,2	1090,5	1,0
9.4	Đất nông nghiệp khác	202,0	38,7	38,7	0,0
10	Đất mặt nước, sông, suối	3531,8	4054,4	4078,3	3,8
11	Đất chưa sử dụng và đất đồi núi khác	3458,0	289,2	89,8	0,1
**	<b>DIỆN TÍCH BIỂN</b>	<b>39502,4</b>	<b>39502,4</b>	<b>39502,4</b>	<b>37,3</b>
1	Khu neo đậu, chuyển tải	240,0	1030,0	1030,0	1,0
2	Khu neo đậu, tránh trú bão	1287,5	1287,5	1287,5	1,2
3	Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch	1040,6	1040,6	1040,6	1,0
4	Hành lang đường ống nhập dầu thô	350,5	350,5	350,5	0,3
5	Luồng cảng	2400,0	3600,0	4800,0	4,5
6	Mặt biển	34183,8	32193,8	30993,8	29,2

### 6.3. Quy hoạch phát triển công nghiệp:

Quy hoạch phát triển công nghiệp trong khu kinh tế theo lộ trình ban đầu tập trung thu hút “Công nghiệp nặng và công nghiệp phụ trợ” với trụ cột là công nghiệp lọc hóa dầu, xi măng, nhiệt điện, gang thép và các lĩnh vực liên quan, lấy phát triển Cảng biển làm hạ tầng giao thông nền tảng; giai đoạn dài hạn tập trung thu hút công nghiệp nhẹ, công nghiệp công nghệ cao, giảm dần các loại hình công nghiệp ô nhiễm môi trường. Theo đặc điểm của từng khu vực, định hướng quy hoạch các loại hình công nghiệp như bảng sau:

Khu vực	Diện tích (ha)	Phân loại ngành thu hút
Trung tâm đô thị	781	Ngành công nghệ cao, R&D
Cảng Nghi Sơn	2778	Ngành công nghiệp nặng; công nghiệp cơ bản; cơ khí chế tạo, tổng kho dầu thô, hóa chất; các kho xăng dầu, khí hóa lỏng; công nghiệp phụ trợ, ...
Cửa ngõ phía Nam	1372	Công nghiệp phụ trợ; vật liệu xây dựng; cảng cạn, logistic, ...

Phía Đông Bắc	1720	Công nghiệp nhẹ; công nghiệp phụ trợ, chế biến thủy, hải sản; tổng kho đông lạnh, ...
Phía Tây	2.407	Công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp sạch, điện năng lượng mặt trời, chế biến nông lâm sản; ...
Tổng	9.058,4	

## **7. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông**

#### **7.1.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông đối ngoại**

##### **a) Về mạng lưới giao thông đường bộ:**

##### ***Nâng cấp các tuyến***

- Quốc lộ 1A (quy mô 06 làn xe chính): Là tuyến đường kết nối Thành phố Thanh Hoá đến Khu kinh tế Nghi Sơn, là trục Bắc Nam quan trọng của Khu kinh tế Nghi Sơn; đoạn đi qua khu vực Hải Ninh CGDD rộng 55,0m; đoạn đi qua khu vực trung tâm CGDD rộng 74,0m; đoạn đi qua khu vực Khu kinh tế cũ CGDD rộng 47,0m;

- Tuyến CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối sân bay Sao Vàng đến Khu kinh tế Nghi Sơn, tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại, vừa đóng vai trò đường vành đai xanh số 1 của đô thị, CGDD rộng 76,0m;

- Đường Nghi Sơn – Bãi Trành (quy mô 02-08 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường Hồ Chí Minh đến cảng Nghi Sơn, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là đường vận tải hàng hoá chính đô thị; gồm 02 đoạn: Đoạn từ đường bộ cao tốc Bắc Nam đi đường Hồ Chí Minh, CGDD 17,5m; Đoạn từ nút giao cao tốc tại xã Tân Trường đến nút giao cầu Hồ, CGDD 51,0m.

- Đường Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn (quy mô 08-12 làn xe): Là tuyến đường kết nối Quốc lộ 1A với cảng biển Nghi Sơn đóng vai trò vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu qua khu vực cảng biển Nghi Sơn; gồm 03 đoạn: Đoạn từ nút giao cầu Hồ đến đường Bắc Nam 1B, CGDD 66,0m; đoạn nối từ nút giao đường với đường Bắc Nam 1B đến cảng biển Nghi Sơn, CGDD 51,0m; đoạn tuyến đường tỉnh 513, CGDD 43,5m;

- Tuyến đường 525 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường cao tốc đến khu đô thị Hải Ninh, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là đường vận tải hành khách chính của đô thị có ký hiệu mặt cắt 4-4, CGDD 39,0m;

- Tuyến đường 512 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 529 với Quốc lộ 1A, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là trục đường ngang phía Bắc của đô thị, CGDD 39,0m;

- Tuyến đường Đông Tây 1 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối với đường Nghi Sơn - Bãi Trành và Ga đường sắt cao tốc với khu vực đô thị, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là trục đường ngang trung tâm của Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD 36,0m;

- Tuyến đường 529 (quy mô 04 làn xe): Là trục dọc phía Tây đóng vai trò như vành đai xanh số 2 kết nối thị xã Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá với Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD 25,0m.

### ***Xây dựng mới:***

- Cao tốc Bắc Nam (quy mô 6 làn xe): Tạo mối liên hệ giữa Khu kinh tế Nghi Sơn với các tỉnh thuộc Đồng bằng Bắc Bộ và tỉnh Nghệ An. Tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại vừa đóng vai trò đường vành đai 2 dọc phía Tây đô thị. Đoạn qua qua khu kinh tế gồm hai loại mặt cắt (đoạn có đường gom hai bên và đoạn có đường gom một bên) CGDD lần lượt là 132,5m và 120,0m;

- Tuyến đường bộ ven biển (quy mô 08 làn xe): Đi phía Đông cách bờ biển từ (400-800)m, là tuyến đường liên kết Nghi Sơn với các đô thị ven biển phía Bắc như Hải Phòng, các đô thị phía Nam như Nghệ An, CGDD 48,0m;

- Tuyến đường nối Quốc lộ 1A với đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối sân bay đến khu kinh tế, tuyến đóng vai trò đường đối ngoại và là trục Bắc Nam quan trọng của Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD rộng 64,0m;

- Tuyến nhánh nối Quốc lộ 1A với đường nối Quốc lộ 1A (quy mô 04 làn xe): Là tuyến nhánh giai đoạn đầu nối QL1A phía sau cầu Ghép với tuyến đường mới nối Quốc lộ 1A với đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD rộng 27,0m.

### ***Nút giao thông***

#### **\* Nút giao khác mức**

- Xây dựng mới 02 vị trí giao khác mức kiểm soát lối ra vào trên đường cao tốc Bắc Nam tại xã Vạn Thiện (tuyến đường ngang nối QL.45 và đường Thọ Xuân – Nghi Sơn) và nút giao tại xã Tân Trường (đường Nghi Sơn - Bãi Trành);

- Xây dựng 02 nút giao trên Quốc lộ 1A một nút giao khác mức dạng hoa thị tại vị trí giao giữa đường Nghi Sơn – Bãi Trành và đường tỉnh 513 với Quốc lộ 1A (nút giao cầu Hồ) và một nút khác mức dạng cầu vượt trục thông tại vị trí

giao giữa đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với Quốc lộ 1A (nút giao Khoa Trường);

- Xây dựng 01 vị trí giao khác mức dạng cầu vượt trục thông tại vị trí giao giữa đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn và đường tỉnh 512.

\* Nút giao cùng mức: Tại tất cả các vị trí giao nhau giữa trục giao thông đối ngoại với trục chính đô thị xây dựng các nút có đảo tự điều chỉnh (như các nút giao giữa đường Bắc Nam 2 với đường bộ ven biển; Quốc lộ 1A và đường Đông Tây 1; Quốc lộ 1A và đường tỉnh 525, đường 512,...)

### ***b) Định hướng cơ bản về đường sắt***

\* Giai đoạn 2025:

- Giữ nguyên hướng tuyến đường sắt thống nhất Bắc-Nam theo hiện trạng;

- Quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam nằm sát phía Đông đường bộ cao tốc Bắc Nam (theo hồ sơ QHC đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2007);

- Xây dựng mới ga trung chuyển nằm tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistic;

- Nâng cấp, mở rộng ga Văn Trai (tại xã Hải Nhân) hiện tại thành ga hành khách chính nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách cho Thành phố Nghi Sơn.

\* Giai đoạn 2035 và định hướng đến 2050:

- Xây dựng tuyến đường sắt nối từ vị trí quy hoạch ga hàng hóa mới tại Trường Lâm kết nối ra ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn qua hầm chui núi Bằng Me, núi Thung, chạy song song theo tuyến đường bộ Đông Tây 4;

- Xây dựng ga đường sắt tại cảng biển nằm tiếp giáp với Khu bến cảng container số 2;

- Xây dựng ga hành khách đường sắt cao tốc Bắc Nam tại xã Phú Lâm.

### ***c) Định hướng cơ bản về đường biển***

- Lượng hàng hóa thông qua cảng Nghi Sơn dự báo đến năm 2035 là: khoảng 101 triệu tấn;

- Mở rộng khu bến cảng container 02 thêm 02 bến về phía Đông và mở rộng phần khu hậu cần cảng container 02 về phía Nam hết vùng nước tỉnh Thanh Hóa;

- Xây dựng đê chắn sóng phía Bắc, mở rộng thêm cảng biển từ phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu đến giáp đường Đông Tây 2;
- Xây dựng khu phát triển dịch vụ Logistic;
- Nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT – 100.000DWT.

**d) Định hướng cơ bản về đường thủy**

- Nâng cấp cảng Lạch Bạng kết hợp với âu tàu tránh trú bão (800 tàu/400 CV);
- Nạo vét luồng lạch sông Yên đoạn từ phao số 0 đến cầu Ghép dài 12 km hiện là cấp 2 ĐTNĐ, bề rộng 60m, sâu 4,2m, cho tàu đến 600 tấn đi lại. Cảng này sẽ đáp ứng nhu cầu vận chuyển các mặt hàng nông sản, thủy hải sản và hàng tiểu thủ công nghiệp cho khu công nghiệp phía Bắc;
- Quy hoạch tuyến phục vụ du lịch trên biển: Là tuyến từ bờ ra đảo Hòn Mê. Tuyến dài 20 km được công bố là tuyến ĐTNĐ Quốc gia do Cục ĐTNĐ quản lý theo quyết định số 304/QĐ – BGTVT ngày 01/02/2010, cấp kỹ thuật đạt cấp 1 ĐTNĐ, đã đủ báo hiệu chỉ luồng cho tàu lưu thông 24/24h;
- Nạo vét luồng lạch sông Bạng, xây dựng kè dọc 2 bên sông khai thác du lịch cảnh quan ven sông Bạng;
- Quy hoạch các bến thuyền du lịch tại đảo Biện Sơn và tại xã Hải Thanh.

**e) Định hướng cơ bản về đường hàng không**

Sử dụng sân bay Thanh Hóa quy hoạch tại huyện Thọ Xuân, khoảng cách đến Nghi Sơn là 60 km.

**7.1.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông đối nội**

Mạng lưới đường dạng ô bàn cờ, phân bố chủ yếu theo hướng Bắc Nam và Đông Tây, bao gồm đường Trục chính đô thị: phục vụ giao thông toàn đô thị, kết nối các khu chức năng của đô thị gồm 2 hướng chính là Bắc – Nam và Đông – Tây; đường khu vực: trên cơ sở các tuyến giao thông hiện có, cải tạo và mở rộng đảm bảo việc kết nối giao thông trong đô thị.

**\* Đường chính đô thị:**

- Tuyến đường Hải Hoà – CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (quy mô 08 làn xe): Là tuyến nối tiếp đường CHK Thọ Xuân – Nghi Sơn với khu du lịch Hải Hoà, , CGĐĐ 43,0m;
- Tuyến đường Bắc Nam 2 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến nối đô thị trung tâm với khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến đường Tân Trường - Thanh Tân (quy mô 04 làn xe): Là tuyến nối khu vực thị xã Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, CGĐĐ 27,0m;

- Tuyến đường Vành đai Khu công nghiệp Tân Trường (quy mô 08 làn xe): Là tuyến nối Khu công nghiệp Tân Trường, cảng tổng hợp với cảng biển, CGĐĐ 43,0m.

**\* Đường liên khu vực:**

- Tuyến trục chủ đạo là trục cảnh quan trung tâm của đô thị theo hướng trục ảo nhìn từ đỉnh Am Các đến đảo Mê, CGĐĐ 96,0m;

- Đường trục cảnh quan Định Hải – Hải Lĩnh là trục cảnh quan đi qua khu vực công viên chuyên đề, tạo hướng nhìn từ núi Am Các xuống cửa biển Hải Lĩnh, CGĐĐ 48,0m;

- Đường trục trung tâm đô thị phía Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn, nối khu công nghiệp phía Bắc với khu sinh thái biển phía Đông Bắc, CGĐĐ 43,0m;

- Đường Hải Ninh – Hùng Sơn (quy mô 04 làn xe) là tuyến vành đai khu đô thị phía Bắc, CGĐĐ 27,0m;

- Đường Anh Sơn – Yên Mỹ (quy mô 04 làn xe) là tuyến nối khu đô thị Yên Mỹ với khu công nghiệp phía Bắc, CGĐĐ 25,0m;

- Đường Yên Lạc 1 (quy mô 04 làn xe) là tuyến kết nối tỉnh lộ 529 với tỉnh lộ 505 đi huyện Như Thanh, CGĐĐ 25,0m;

- Tuyến Đông đường sắt Bắc Nam (quy mô 04 làn xe) đi song song với đường sắt Bắc Nam nối khu công nghiệp phía Bắc đến khu vực Ga trung tâm và kết nối ra đường Quốc lộ 1A, CGĐĐ 25,0m;

- Tuyến Tây đường sắt Bắc Nam (quy mô 02 làn xe) đi song song với đường sắt Bắc Nam nối khu công nghiệp phía Bắc với khu công nghiệp công nghệ cao, R&D và kết nối ra đường Quốc lộ 1A, CGĐĐ 25,0m;

- Tuyến Hải Nhân – Xuân Lâm (quy mô 06 làn xe) đi song song với QL1A về phía Tây kết nối trung tâm đô thị với khu công viên chuyên đề, CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến Ninh Hải – Bình Minh (quy mô 04 làn xe) đi song song với QL1A về phía Đông kết nối trung tâm đô thị với khu vực cảng Nghi Sơn qua tuyến đường bộ ven biển, CGĐĐ 27,0m;

- Tuyến Hải Châu – Ngọc Lĩnh (quy mô 06 làn xe) đóng vai trò như tuyến vành đai của khu đô thị phía Bắc, CGĐĐ 48,0m;

- Tuyến Anh Sơn – Ninh Hải (quy mô 03 làn xe) kết nối khu công nghiệp phía Bắc với khu du lịch ven biển qua khu đô thị trung tâm, CGDD 16,5m;

- Tuyến Đông đường sắt cao tốc Bắc Nam (quy mô 04 làn xe) đi song song với đường sắt các tốc Bắc Nam nối khu công nghiệp 3+4+5 với ga tổng hợp, CGDD 25,0m.

**\* Đường chính khu vực:**

- Tuyến Bắc Nam 3 (quy mô 04 làn xe), CGDD 28,0m;

- Tuyến Bắc Nam 4 (quy mô 06 làn xe), CGDD 36,0m;

- Tuyến Đông Tây 2 (quy mô 08 làn xe chính + 02 làn đường gom), CGDD 57,0m;

- Đường Tĩnh Hải – Cảng cá (quy mô 04 làn xe), CGDD 30,0m;

- Đường Nam Khu công nghiệp số 6 (quy mô 04 làn xe), CGDD 60,0m;

- Đường Khu công nghiệp 3+4+5 (quy mô 04 làn xe), CGDD 27,0m;

- Đường Hải Hoà – Bình Minh; Tân Dân – Hải Ninh (quy mô 04 làn xe), CGDD 43,0m;

- Đường Bình Minh – Nguyên Bình (quy mô 04-06 làn xe), CGDD 34,0m và 27,0m;

- Tuyến Hải Lĩnh – Bình Minh (quy mô 03-04 làn xe), CGDD 27,0m và 20,5m;

- Đường Hải Châu – Hải An; Tân Dân – Hải Ninh (quy mô 04 làn xe) CGDD 25,0m;

- Đường Yên Lạc 2; Hùng Sơn – Thanh Thủy (quy mô 03 làn xe), CGDD 16,5m;

- Đường Triệu Dương – Hải Ninh; Hải An; Hải An Tân Dân; Các Sơn – Định Hải; Yên Mỹ 1; 2; 3 (quy mô 03 làn xe) có ký hiệu mặt cắt 21-21, CGDD 20,5m; mặt đường 10,5m vỉa hè 2x5,0m.

## **7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

### **7.2.1. Giải pháp san nền cụ thể**

#### **a) Phân chia lưu vực, lựa chọn cao độ san nền không chế:**

Khu vực quy hoạch phân chia thành 05 lưu vực bao gồm:

**Lưu vực 1:** Khu vực phía Bắc với trục tiêu thủy chính là sông Thị Long sau đó thoát ra sông Yên rồi ra biển có diện tích lưu vực  $F = 14.735$  ha;

- Đề tả sông Thị Long: Dài 8.0km, đê cấp IV; Cao trình đê +4,6m với 12 cống tiêu. chống với mức lũ năm 1978 tại hạ lưu cầu Thị Long + 4.12m;

- Đề hữu sông Thị Long: Dài 14.4km, đê cấp IV; Cao trình đê từ +3m đến +6m với 19 cống tiêu;

- Đề bao Thị Long dài 3.6km, đê cấp V; Cao trình từ +3m đến +3.2m;

Khu vực xây dựng công nghiệp được bảo vệ bởi đê sông Thị Long nên chọn cao độ xây dựng nhỏ nhất +4,00m đảm bảo không ngập ứng ứng với tần suất  $P=1\%$ ; Riêng khu vực phía Tây lưu vực không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

**Lưu vực 2:** Khu vực phía Đông Bắc với trục tiêu thủy chính là kênh cầu Trắng và kênh Than (kênh than nối sông Yên tại cống bến Ngao và sông Bạng tại cống đò Bè. Hướng thoát chính ra cửa Lạch Bạng, diện tích lưu vực  $F = 9.387ha$ ; Kênh Than có chiều rộng kênh từ (30:-150)m, chiều rộng thoát lũ từ (150-500)m, dài kênh 24km.

Khu vực dân dụng lựa chọn cao độ đảm bảo chống được lũ với mức  $P=10\%$  được chia làm 02 lưu vực nhỏ:

- Cao độ xây dựng khu vực phía Tây kênh Than nhỏ nhất : +4.50m

- Cao độ xây dựng khu vực phía Đông kênh Than nhỏ nhất : +3.20m

**Lưu vực 3:** Khu vực phía Tây và phía Nam hồ Yên Mỹ, với các trục tiêu thủy là các khe suối được thoát về hồ yên mỹ diện tích lưu vực  $F = 16.157 ha$ ; Khu vực này là vùng bảo vệ nguồn nước, hạn chế xây dựng và không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

- Cao độ xây dựng khu vực xã Thanh Kỳ: +25.00m

- Cao độ xây dựng xã Phú Sơn, Phú Lâm: +27.00m

**Lưu vực 4:** Khu sông Bạng với các trục tiêu thủy chính là sông Thạch Luyện, sông Tuần Cung và sông Lạch Bạng thoát ra cửa Lạch Bạng diện tích lưu vực  $F = 21.207ha$ ; chiều dài sông bạng 17.5km (cầu Hồ - cửa biển), chiều rộng lòng sông phần hạ du 150-200m, có đoạn 400-500m đáy sông -4.0m đến -6.0m; Cao trình đê sông Bạng hiện từ +3.0m đến +3.6m; Đây là lưu vực thuộc quy hoạch Khu kinh tế Nghi Sơn đã được Thủ Tướng phê duyệt vì vậy lựa chọn cao độ tuân thủ theo Quyết định 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007. Chi tiết cao độ xây dựng các khu vực cụ thể như sau:

- Cao độ xây dựng khu vực thuộc xã Xuân Lâm, Bình Minh: +3.30m



- Cao độ xây dựng khu vực thuộc xã Trúc Lâm: +3.20m
- Cao độ xây dựng khu vực dân cư Tùng Lâm: +4.60m
- Cao độ xây dựng khu vực thuộc các KCN số 3, số 4, số 5: +4.60m
- Cao độ xây dựng khu vực thuộc xã Tân Trường, Trường Lâm: +3.30m

Ngoài ra khu vực phía Đông và Đông Nam sông Bạng gồm xã Hải Bình và xã Hải Thanh được bảo vệ bởi đê sông Bạng có cao độ nền tương đối cao đều  $\geq +3,0m$  nên đảm bảo không ngập úng với tần suất  $P = 10\%$  (đã tính đến khi sóng gặp triều cường). Vì vậy khi san nền chỉ cần san gạt tạo độ dốc, tạo mặt bằng và độ dốc nền thuận lợi.

**Lưu vực 5:** Khu vực phía Đông Nam với trục tiêu thủy chính là sông Yên Hòa và hồ đồng chùa diện tích lưu vực  $F = 5.011$  ha; Đây là lưu vực thuộc quy hoạch KKT Nghi Sơn đã được Thủ Tướng phê duyệt vì vậy lựa chọn cao độ tuân thủ theo Quyết định 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007; Cao độ xây dựng +3.50m đảm bảo không ngập úng với tần suất  $P=1\%$ ; Khu vực Nam sông lưu vực sông Yên có cao độ hiện trạng (nhỏ nhất là +5.0m) không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

#### **b) Giải pháp san nền:**

- Độ dốc nền thoát nước là  $i=0,004- 0,03$ , đảm bảo thoát nước mặt tốt;
- San lấp cục bộ, cân bằng đào đắp đối với khu vực  $i < 10\%$  theo nguyên tắc xử lý cục bộ tại chỗ, cân bằng đào đắp trong từng công trình. Các khu vực không tổ chức xây dựng sẽ giữ nguyên địa hình tự nhiên;
- San lấp theo các cấp liên hệ với nhau bằng dải cây xanh và mái Taluy, hệ số mái dốc  $m = 1/0.75$  đối với khu vực có độ dốc tự nhiên:  $10\% \leq i \leq 20\%$ ;
- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi phát triển xen cây bổ sung xây dựng thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần quản lý cao độ nền. Nền xây dựng phải đảm bảo phối kết hài hoà với khu vực xung quanh, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước chung của khu vực;

#### **7.2.2. Giải pháp thoát nước mưa:**

##### **\* Hệ thống thoát:**

- Dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, dùng hệ thống cống tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận gần nhất (sông, hồ, biển);

- Mạng lưới thoát nước trải đều theo mạng lưới đường đảm bảo 70% - 80% các tuyến đường có cống.

**\* Giải pháp kỹ thuật:**

Hệ thống thoát nước được thiết kế hoạt động theo chế độ tự chảy bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kỹ thuật, hố ga và cửa xả.

- Chi tiêu mật độ cống: 120 - 150m/ha đất xây dựng đô thị, 70%-80% tổng chiều dài đường đô thị có cống;

- Cống qua đường sử dụng loại cống bản hoặc (BTCT). Độ sâu chôn cống qua đường  $h > 0,75m$ . Độ dốc đáy cống đảm bảo  $i > 0.004$ ;

- Giếng thu nước mưa được thiết kế kiểu hàm ếch, khoảng cách các giếng lấy theo TCVN 4449-87, khoảng cách  $L = 40-50m$ ;

- Mạng lưới cống thoát nước mưa đổ ra 80 cửa xả.

**7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện**

Tổng nhu cầu sử dụng điện của Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Đợt đầu (2018÷2025): 1303,3 MVA;

- Dài hạn (2025÷2035, tầm nhìn đến 2050): 2737.1 MVA.

**\* Định hướng cấp điện**

**a) Nguồn điện và lưới điện truyền tải**

- Nguồn điện cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn là hệ thống điện Quốc gia khu vực miền Trung, thông qua lưới điện 500kV và 220kV;

- Lưới điện Quốc gia: Trong ranh giới quy hoạch có tuyến 220kV mạch đơn từ Thanh Hóa đi Vinh, dây dẫn AC 300. Đây là tuyến chính cấp cho toàn bộ khu vực và liên kết với hệ thống điện Quốc gia cấp 220kV;

- Nhà máy điện: Hiện tại Nghi Sơn đã có quy hoạch trung tâm điện lực Nghi Sơn với tổng công suất 2.400MW (đã được Bộ Công thương phê duyệt năm 2017). Hiện nay đã đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn I với công suất 600MW, đang xây dựng Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn II với công suất 1.200MW. Đầu nối với hệ thống điện Quốc gia thông qua 2 cấp điện áp 220kV và 500kV.

Ngoài ra còn có nhà máy điện phục vụ cho Nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn với tổng công suất 400MW; và dự án nhà máy điện mặt trời tại xã Phú Lâm có diện tích khoảng 170ha đang được chuẩn bị đầu tư với công suất 160MWp.

**b) Lưới điện**

- Lưới 220kV: Phương án xây dựng mới trạm 220kV KKT Nghi Sơn (cập nhật QH phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035):

+ Xây dựng mới trạm 220kV Nông Cống, công suất 2x250MVA;

+ Xây dựng mới trạm 220kV KKT Nghi Sơn, quy mô công suất 2x250MVA, lắp 01 máy 250MVA giai đoạn 2016- 2020, lắp máy 02 công suất 250MVA giao đoạn 2021-2025;

+ Xây dựng mới đường dây 220kV từ trạm 500kV Nghi Sơn đi trạm 220kV KKT Nghi Sơn, dây dẫn AC-2x330;

Lưới 110kV: Nguồn cung cấp điện cho lưới điện 110kV khu kinh tế được lấy từ trạm 220kV Nghi Sơn. Cụ thể sẽ được phân vùng phụ tải qua các trạm trung gian 110kV theo từng giai đoạn triển khai của khu kinh tế.

Dự kiến xây dựng và cải tạo các trạm 110kV:

+ Trạm 110kV Tĩnh Gia: Công suất đặt máy là 2x63MVA. Phạm vi cấp điện của trạm là khu công nghiệp 1 và 2. Đầu nối trạm từ tuyến 110kV mạch kép hiện có;

+ Trạm 110kV Xi măng Nghi Sơn: Công suất (35+40)MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110kV Gang Thép 1,2: Công suất mỗi trạm 4x63MVA là trạm chuyên dùng;

+ Trạm 110KV Fecrom: Công suất (10+16)MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110KV Xi măng Công Thanh: Công suất dự kiến 2x40MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110KV KCN Nghi Sơn 1: Công suất dự kiến 2x40MVA, cấp điện cho 03 khu công nghiệp 3,4,5;

+ Trạm 110KV KCN Nghi Sơn 2: Công suất dự kiến 2x40MVA, cấp điện cho khu vực đất công nghiệp phía Bắc nhà máy lọc hóa dầu;

+ Trạm 110KV KCN Trường Lâm: Công suất dự kiến 2x40MVA, đợt đầu 40MVA cấp điện cho khu vực đất công nghiệp phía Nam khu kinh tế thuộc xã Trường Lâm;

+ Trạm 110kV Nguyên Bình (Tĩnh Gia 2): Công suất dự kiến 2x63MVA, đợt đầu 63MVA, cấp điện cho khu công nghiệp công nghệ cao và đô thị trung

tâm. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Triệu Dương (Tĩnh Gia 3): Công suất dự kiến 2x40MVA, đợt đầu 40MVA, cấp điện cho đô thị Hải Ninh. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Hùng Sơn: Công suất dự kiến 2x80MVA, đợt đầu 40MVA, cấp điện cho khu công nghiệp phát triển phía Đông Bắc khu kinh tế. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Yên Mỹ: Công suất dự kiến 2x25MVA, đợt đầu 25MVA, cấp điện cho khu vực đô thị Yên Mỹ. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Công Chính: Công suất dự kiến 2x63MVA, đợt đầu 63MVA, cấp điện cho khu phía Bắc của khu công nghiệp phía Tây Bắc khu kinh tế. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Thanh Kỳ: Công suất dự kiến 63MVA, cấp điện cho khu vực đô thị Thanh Kỳ, khu du lịch sinh thái hồ Yên Mỹ và khu đô thị Phú Lâm, Phú Sơn. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Nghi Sơn.

### **c) Lưới điện trung áp:**

Lưới điện trung áp trong khu vực được thiết kế sử dụng điện áp 22kV để chuẩn hóa thiết bị toàn quốc. Tuyến điện 35kV hiện tại sẽ dần được cải tạo và chuyển sang vận hành ở điện áp 22kV.

## **7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước**

### **a) Nhu cầu dùng nước:**

Tổng nhu cầu dùng nước các khu đô thị và công nghiệp: 382.000 m<sup>3</sup>/ng.đ

### **b) Chọn nguồn nước:**

- Giai đoạn đến năm 2025:

+ Theo Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 thì khi trạm bơm Trường Minh đi vào hoạt động vào năm 2019 sẽ bổ sung thêm được 50.000m<sup>3</sup>/ng.đ, nâng tổng lượng nước có khả năng cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2019 từ 3 hồ Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa là 175.000 m<sup>3</sup>/ng.đ

+ Đến năm 2025 với nhu cầu dùng nước tăng thêm là 106.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm (tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2025 281.000m<sup>3</sup>/ng.đêm) vì vậy cần bổ sung nguồn nước được lấy từ hồ Cửa Đạt, dẫn theo sông Chu về đến đập Bái Thượng, tại Bái Thượng lấy nước vào kênh Chính, dẫn qua 19.200m và đưa vào kênh Nam, qua cống Phúc Như, dẫn theo kênh Nam đến vị trí tại K20+300 (vị trí dự kiến đặt trạm bơm lấy nước). Tại K20+ 300 kênh Nam xây dựng hệ thống công trình cấp nước dẫn về Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2035:

+ Đến năm 2035 nhu cầu dùng nước của Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ là 382.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; Tổng lượng nước cấp từ nguồn các hệ thống Bái Thượng, Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa, Hao Hao, Sông cầu Hung tính đến năm 2025 là: 302.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, Như vậy, tầm nhìn đến năm 2035 thì nhu cầu nước Khu kinh tế Nghi Sơn tăng thêm so với năm 2025 là: 101.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Để thỏa mãn được nhu cầu nước này, cần đầu tư xây dựng thêm hệ thống công trình lấy, dẫn và chứa nước với lưu lượng cần cung cấp là 80.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, từ hồ Cửa Đạt về Khu kinh tế Nghi Sơn.

### c) Nhà máy nước:

- *Giai đoạn năm 2025:* Với nhu cầu tính toán 284.000m<sup>3</sup>/ng.đêm

+ Nâng công suất nhà máy nước hiện có tại hồ Đồng Chùa từ 60.000m<sup>3</sup>/ngđ lên thành 90.000m<sup>3</sup>/ng.đ; Lấy nguồn nước từ các hồ chứa nước Đồng Chùa, hồ Yên Mỹ cấp nước cho khu vực phía Đông Nam KKT Nghi Sơn;

+ Nhà máy nước tại hồ Quế Sơn công suất 60.000m<sup>3</sup>/ng.đ cấp nước cho KKT Nghi Sơn. Lấy nguồn nước từ các hồ chứa Quế Sơn, hồ Yên Mỹ; cấp nước cho khu vực phía Tây Nam và một phần phía Đông Nam;

+ Xây dựng nhà máy nước tại hồ Hao Hao, xã Hải Nhân huyện Tĩnh Gia. Lấy nguồn nước từ hồ chứa Hao Hao, hồ Yên Mỹ, hồ Cửa Đạt 105.000m<sup>3</sup>/ng.đ, cấp nước cho khu vực phía Tây Bắc và trung tâm đô thị;

+ Xây dựng Nhà máy nước Tân Dân tại phía Đông Nam xã Ngọc Lĩnh. Lấy nguồn nước từ hồ Cửa Đạt (qua kênh Nam và trạm bơm Tượng Sơn) 20.000m<sup>3</sup>/ng.đ, cấp nước cho khu vực phía Đông Bắc;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống (nằm ngoài KKT Nghi Sơn). Lấy nguồn nước từ hồ Sông Mực; công suất từ 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, lên 40.000m<sup>3</sup>/ng.đ, cấp nước cho khu vực phía Tây KKT Nghi Sơn và các xã khác thuộc huyện Nông Cống;

- *Giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050*: Với nhu cầu tính toán  $385.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$

+ Nâng cấp Nhà máy nước tại hồ Hao Hao công suất từ  $105.000\text{m}^3/\text{ng.đ.}$  lên thành  $125.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ ;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống công suất từ  $40.000\text{m}^3/\text{ng.đ.}$  lên thành  $80.000\text{m}^3/\text{ng.đ.}$ ;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Tân Dân công suất từ  $20.000\text{m}^3/\text{ng.đ.}$  lên thành  $30.000\text{m}^3/\text{ng.đ.}$

## **7.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang**

### **7.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải**

a) Tổng hợp lượng nước thải phát sinh từng giai đoạn

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khu vực đô thị đến 2025:  $231.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$  (bao gồm cả nước thải công nghiệp sạch xen lẫn đô thị);

- Tổng lượng thải khu vực đô thị và công nghiệp đến 2035:  $328.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

b) Phân vùng mạng lưới thoát nước thải: chia thành 4 vùng lớn

- *Vùng 1 khu vực khu kinh tế hiện hữu:*

+ Lưu vực 1: đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực công nghiệp phía Đông Nam khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 1 (đặt tại xã Hải Thượng) khoảng  $20.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ ;

+ Lưu vực 2: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực công nghiệp phía Tây khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 2 (đặt tại xã Tân Trường) khoảng  $30.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ ;

+ Lưu vực 3: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực phía Bắc khu KT hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 3 (đặt tại xã Hải Bình) khoảng  $35.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

- *Vùng 2 khu vực đô thị Trung tâm:*

+ Lưu vực 4: Đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Còng và các xã Nguyên Bình, Bình Minh, Hải Nhân, Hải Hòa, Ninh Hải. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 4 có công suất khoảng  $40.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ ;

+ Lưu vực 5: Đảm nhận thoát nước thải cho khu giáo dục đào tạo R&D thuộc khu đô thị trung tâm. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 5 có công suất khoảng 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

**- Vùng 3 khu vực mở rộng về phía Tây Bắc:**

Khu đô thị Yên Mỹ và các xã Các Sơn, Công Bình, Công Chính, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ, Phú Sơn, Phú Lâm.

+ Lưu vực 6: đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Yên Mỹ và khu dân cư các xã Công Bình, Công Chính, Yên Lạc. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 6 có công suất khoảng 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 7: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp Phú Lâm. Nước thải được thu gom, dẫn về TXL số 7, công suất khoảng 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 8: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp phía Tây Bắc (gồm các xã Công Bình, Công Chính, Yên Lạc). Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 8 có công suất khoảng 35.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

**- Vùng 4 khu vực mở rộng phía Đông Bắc khu kinh tế:**

Khu vực công nghiệp phía Đông Bắc khu kinh tế, Đô thị Hải Ninh và dân cư các xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Châu.

+ Lưu vực 9: đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Hải Ninh và các xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Châu. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 9 có công suất khoảng 35.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 10: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp Đông Bắc của khu kinh tế. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 10 có công suất khoảng 50.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

**7.5.2. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn**

- Tổng khối lượng CTR cần thu gom đến năm 2035 là: 2.490 tấn/ng.đêm;

- Mở rộng Khu xử lý chất thải tại xã Trường Lâm quy mô từ 60 ha lên 108,7 ha với công suất 2000 tấn/ng.đêm phục vụ nhu cầu xử lý CTR cho toàn bộ khu kinh tế.

**7.5.3. Quy hoạch nghĩa trang nhân dân**

Cải tạo Nghĩa trang Khu kinh tế Nghi Sơn tại khu vực sườn núi Lâm Động xã Xuân Lâm và xã Nguyên Bình khoảng 70 ha phục vụ nhu cầu cất táng của khu kinh tế. Cải tạo Nghĩa trang núi Bọm thành công viên tâm linh, quy mô khoảng 30 ha. Trong giai đoạn trước mắt, các điểm dân cư nông thôn vẫn cho tồn tại các nghĩa trang tập trung có quy mô từ (0,5- 2,0)ha.

## **7.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc**

- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin liên lạc của Khu kinh tế Nghi Sơn phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của cả nước;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử;

- Hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế - xã hội - văn hoá.

## **8. Các nội dung điều chỉnh chủ yếu:**

### **8.1. Điều chỉnh dự báo quy mô phát triển khu kinh tế:**

- Điều chỉnh dự báo quy mô dân số toàn khu kinh tế đến năm 2025 khoảng 400.000 người (theo đề án cũ được duyệt là 230.000 người), trong đó khu vực thành thị khoảng 260.000 người, khu vực nông thôn khoảng 140.000 người; đến năm 2035 khoảng 500.000 người, trong đó dân số khu vực thành thị khoảng 420.000 người, khu vực nông thôn khoảng 80.000 người;

- Điều chỉnh nhu cầu đất xây dựng dân dụng trong đô thị đến năm 2025 khoảng 4.456,5ha (theo đề án cũ được duyệt khoảng 2.000ha), đến năm 2035 khoảng 5.289,3ha;

- Điều chỉnh dự báo nhu cầu đất phát triển công nghiệp trong khu kinh tế đến năm 2025 khoảng 7.200ha (theo đề án cũ được duyệt là 2.965ha); đến năm 2035 là 9.058,4ha; dự phòng đến năm 2050 lên tới 12.000ha. Tổng khối lượng hàng hóa thông qua Cảng Nghi Sơn đến năm 2035 đạt 101 triệu tấn.

### **8.2. Điều chỉnh chức năng sử dụng đất trong khu kinh tế hiện hữu:**

- Điều chỉnh chức năng khu phi thuế quan thành đất khu công nghiệp số 6 (đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại công văn số văn bản số 6596/VPCP-KTN ngày 21/8/2015);

- Điều chỉnh một phần khu dân cư Trường Lâm thành đất công nghiệp;

- Điều chỉnh khu vực phía Nam đường Đông Tây 2 thuộc xã Trúc Lâm từ đất đô thị thành đất công nghiệp sạch;

- Điều chỉnh thay thế 02 khu trung tâm đào tạo và dạy nghề theo quy hoạch cũ thành 01 trung tâm giáo dục đặt phía Tây khu trung tâm đô thị;



- Điều chỉnh khu dân cư tại xã Tĩnh Hải (từ khu phi thuế quan đến đường Đông Tây 2) thành khu hậu cần cảng, để phù hợp với định hướng mở rộng cảng về phía Bắc;

- Điều chỉnh bổ sung thêm Khu sinh thái, Trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở chuyên gia tại khu vực phụ cận các hồ Kim Giao, Quế Sơn, Đồng Chùa và một số vị trí khác ven sông Bạng;

- Điều chỉnh không phát triển công nghiệp tại các núi Chuột Chù, núi Cam, núi Cốc, đồi 74 mà giữ lại làm các điểm dịch vụ du lịch cảnh quan và sinh thái;

- Điều chỉnh chuyển một phần trung tâm dịch vụ công cộng tại xã Hải Thượng ra xã Nghi Sơn thành trung tâm dịch vụ công cộng và đô thị (phần đất đô thị nhằm mục đích giãn dân cho xã đảo Nghi Sơn, hiện nay đã quá chật chội, điều kiện ăn ở, sinh hoạt, vệ sinh môi trường của người dân không đảm bảo; và phát triển thành đô thị hiện đại, đẹp, là điểm nhấn cho khu vực Cảng Nghi Sơn);

- Điều chỉnh bổ sung quỹ đất phát triển ngành công nghiệp thép đúng theo Quyết định số 5254/QĐ-BCT ngày 28/5/2015 của Bộ Công thương; ưu tiên sản xuất thép chất lượng cao phục vụ công nghiệp chế tạo;

- Điều chỉnh, bổ sung tổng kho dầu thô, hóa chất dự kiến bố trí tại các Khu công nghiệp số 1, số 4, số 6.

### **8.3. Điều chỉnh hệ thống hạ tầng trong khu kinh tế hiện hữu:**

*- Về đường sắt:*

+ Điều chỉnh dịch chuyển vị trí quy hoạch ga đường sắt tại cảng biển về phía Nam tiếp giáp với Khu bến cảng container số 2; điều chỉnh xây dựng ga trung chuyển mới thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistic;

+ Điều chỉnh giữ nguyên tuyến đường sắt thống nhất Bắc-Nam theo hiện trạng (không cải dịch như phương án quy hoạch cũ đã được duyệt); điều chỉnh hướng tuyến đường sắt nối từ vị trí quy hoạch ga hàng hóa mới tại Trường Lâm kết nối ra ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn (tiếp giáp bến container số 2) qua hầm chui núi Bằng Me, núi Thung, chạy song song theo tuyến đường bộ Đông Tây 4; bỏ tuyến đường sắt và ga phục vụ khu phi thuế quan.

*- Về cảng biển:*

+ Điều chỉnh bổ sung thêm 2 bến về phía Đông khu cảng container số 2, đồng thời mở rộng phần khu hậu cần cảng container số 2 về phía Nam đến giáp ranh giới tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Nghệ An; bổ sung đê chắn sóng phía Bắc để

mở rộng thêm cảng biển từ phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu đến giáp đường Đông Tây 2; nâng khả năng phục vụ đáp ứng cho tàu quy mô 70.000 đến 100.000 DWT cập cảng;

+ Điều chỉnh bổ sung quy hoạch khu phát triển dịch vụ Logistic (theo Quyết định số 1401/QĐ-BGTVT ngày 26/5/2010 của Bộ Giao thông vận) tại vị trí quy hoạch Kho xăng dầu tại phía Nam Cảng Nghi Sơn.

- Về giao thông đường bộ:

+ Điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường giao thông chính, gồm: kết nối tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với tuyến đường Bắc Nam 1B, đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn; cập nhật và mở rộng mặt cắt ngang tuyến đường 513, đường Bắc Nam 1B, đường Đông Tây 4 (lên 8 – 12 làn xe) thành trục chính kết nối Đông Tây; tịnh tiến đường Đông – Tây 3 về phía Bắc (tránh núi Cốc); điều chỉnh đường Đông Tây 4 đoạn tuyến ra đảo Biện Sơn; tương ứng điều chỉnh một số tuyến giao thông nội bộ;

+ Kéo dài tuyến đường bộ ven biển để kết nối vào đường Bắc Nam 1B;

+ Điều chỉnh cập nhật để phù hợp với dự án tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo đó tại Khu kinh tế Nghi Sơn chỉ có 01 nút giao liên thông với đường Nghi Sơn – Bãi Trành tại xã Tân Trường (theo quy hoạch cũ đã được duyệt thì có 04 nút giao liên thông); điều chỉnh 03 nút giao còn lại thành nút giao khác mức;

+ Điều chỉnh quy mô mặt cắt các tuyến đường và bổ sung thêm một số nút giao khác mức (chi tiết tại phần bản đồ quy hoạch giao thông).

- Về cấp nước:

+ Điều chỉnh dự báo nhu cầu cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2025 khoảng 200.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo quy hoạch cũ được duyệt là 140.000m<sup>3</sup>/ngày đêm); nhu cầu đến năm 2035 khoảng 380.000m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Điều chỉnh bổ sung phương án nguồn cấp nước thô cho Khu kinh tế Nghi Sơn được lấy từ kênh Nam hệ thống Bái Thượng, được dẫn từ hồ Cửa Đạt qua kênh chính hệ thống Bái Thượng;

+ Điều chỉnh vị trí nhà máy xử lý nước sạch tại hồ Kim Giao về hồ Quế Sơn, công suất 60.000 m<sup>3</sup>/ngàyđêm;

- Về cấp điện: Điều chỉnh phân bố lại mạng lưới đường điện, trạm điện phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn mở rộng.

- Về vệ sinh môi trường:

+ Điều chỉnh mở rộng quy mô quy hoạch Khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm từ 60 ha lên khoảng 108,7 ha;

+ Điều chỉnh Khu nghĩa địa quy hoạch tại sườn núi Xước thuộc xã Hải Thượng thành đất công nghiệp; điều chỉnh nghĩa địa quy hoạch tại xã Trường Lâm thành đất khu xử lý chất thải rắn; đồng thời mở rộng quy mô nghĩa trang (phía Tây Bắc quy hoạch chung cũ) tại xã Nguyên Bình và xây dựng thêm 01 nghĩa trang phía Bắc khu kinh tế mở rộng; lựa chọn, sắp xếp lại một nghĩa địa hiện có, từng bước xóa bỏ các nghĩa trang cũ không còn phù hợp quy hoạch;

+ Điều chỉnh phân bố lại mạng lưới và trạm xử lý nước thải phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn mở rộng.

#### **8.4. Điều chỉnh quy hoạch tại các khu vực mở rộng:**

Điều chỉnh quy hoạch tại các khu vực mở rộng để phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung mở rộng gồm: quy hoạch chung xây dựng Đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia; quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Ninh; quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ; quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trong khu vực mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn.

Ngoài các nội dung điều chỉnh, bổ sung chính nêu trên, đồ án quy hoạch mới cũng điều chỉnh, bổ sung một số chức năng sử dụng đất và công trình hạ tầng kỹ thuật khác để phù hợp với phương án quy hoạch mở rộng và thực trạng phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn.

### **9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

#### **9.1. Chương trình về cải tạo chỉnh trang đô thị**

- Kiểm soát chặt chẽ và lên kế hoạch giải toả đền bù đất đai, xây dựng khu trung tâm đô thị gắn với trục chính cảnh quan (trục chủ đạo);

- Xây dựng, cải tạo và bổ sung các trung tâm chuyên ngành như trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, trung tâm văn hóa, công viên vui chơi giải trí và thể dục thể thao. Xây dựng khu quảng trường gắn với trục chính cảnh quan;

- Cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong các khu dân cư hiện hữu đô thị;

- Cải tạo hệ thống công trình thoát nước mưa và hệ thống sông ngòi khu vực đô thị trung tâm kết hợp thiết kế cảnh quan và môi trường đô thị;

- Nâng cấp hệ thống thoát nước thải, thu gom CTR;

## 9.2. Chương trình phát triển mới

- Công nghiệp: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp số 1, 2, 3, 4, 5, 6 nhằm đáp ứng đất công nghiệp giai đoạn trước mắt; xúc tiến đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, tổng kho dầu thô, ...; đầu tư chuẩn bị kỹ thuật, hạ tầng thiết yếu khu vực phía Tây đô thị trung tâm nhằm kêu gọi đầu tư xây dựng khu đào tạo, nghiên cứu và công nghiệp triển khai R&D gắn với tuyến đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

- Du lịch: hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch ven biển khu vực từ sông Ghép đến hết xã Hải Thanh, đảo Biện Sơn, đảo Hòn Mê; đầu tư xây dựng các công trình có tính chất tạo động lực nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của đô thị Yên Mỹ; kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án du lịch, sân golf tại khu vực hồ Yên Mỹ, khu sinh thái hồ Hao Hao, ...; quảng bá hình ảnh du lịch gắn với các tour tuyến du lịch tại khu kinh tế và các khu du lịch lân cận;

- Đô thị: Thực hiện các dự án phát triển nhà ở gắn với hệ thống hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật cho từng khu đô thị, đáp ứng việc cải tạo, sắp xếp tái định cư, nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân và hình thành đô thị;

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Cảng biển: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống HTKT cảng biển; đầu tư mở rộng cảng về phía Bắc và phía Nam; nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT – 100.000DWT;

+ Đường sắt: Xây dựng mới ga trung chuyển nằm tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistic;

+ Đường bộ: Hoàn thiện tuyến đường ven biển chạy quy KKT Nghi Sơn đi Nghệ An; xây dựng mới tuyến đường tránh Quốc lộ 1A kết nối với đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn; xây dựng mới tuyến đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn kết nối trực tiếp vào cảng theo quy hoạch; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng giao thông khung;

+ Nâng cấp, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, cấp điện, viễn thông, thoát nước trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

+ Đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tập trung cho Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu và khu đô thị trung tâm; mở rộng khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm; mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Nguyên Bình và xây mới nghĩa trang Núi Bọm.

*(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân)*

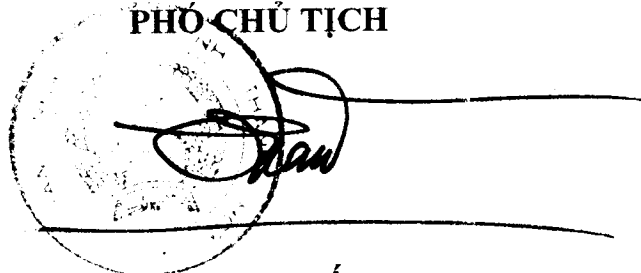
Trên đây là nội dung đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

To trình HĐND thông qua QH Nghi Sơn.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

A circular official stamp of the Provincial People's Committee is partially obscured by a handwritten signature in black ink. The signature is written over the stamp and extends to the right, crossing two horizontal lines.

**Lê Anh Tuấn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 18/2015/QĐ-TTg ngày 12/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 28/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Kết luận số 299-KL/TU ngày 05/02/2018, Kết luận số 141-KL/TU ngày 01/6/2018, Kết luận số 430-KL/TU ngày 22/6/2018 của Ban Thường vụ*

*Tình ủy về đồ án Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng .....năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính, chủ yếu như sau:

### **1. Giới hạn lập quy hoạch:**

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm: toàn bộ diện tích huyện Tĩnh Gia (12 xã trong Khu kinh tế Nghi Sơn cũ và các xã còn lại của huyện Tĩnh Gia); 03 xã Yên Mỹ, Công Bình, Công Chính (thuộc huyện Nông Cống) và 03 xã Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc (thuộc huyện Như Thanh).

Tổng diện tích lập quy hoạch: 106.000 ha (trong đó có 66.497,57 ha đất liền, hải đảo và 39.502,43 ha mặt nước biển). Ranh giới cụ thể được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quảng Xương;
- Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;
- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp các xã: Tượng Văn, Tượng Lĩnh, Tượng Sơn, Công Liêm (huyện Nông Cống); Vườn Quốc gia Bến En, xã Phúc Đường (huyện Như Thanh).

### **2. Mục tiêu**

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia nói chung và chiến lược phát triển biển Việt Nam nói riêng;
- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn thành khu vực phát triển năng động, đột phá, nhanh và bền vững, một trọng điểm phát triển phía Nam vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Là trung tâm thu hút về đầu tư và trung chuyển hàng hóa của vùng và khu vực; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh;
- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn thành một khu vực phát triển công nghiệp tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển nước sâu với trọng tâm là công nghiệp lọc - hoá dầu và

công nghiệp cơ bản; có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật – xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả;

- Tạo nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; từng bước hình thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực;

- Từ nay đến năm 2025, hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi, triển khai một số công trình hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn. Sau năm 2025, phát triển đồng bộ về công nghiệp; dịch vụ; thương mại; tài chính; văn hóa – xã hội; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; gắn phát triển kinh tế xã hội với an ninh quốc phòng. Đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng trong các khu đô thị sinh thái, thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn cao; phát triển theo mô hình đô thị xanh và bền vững; phấn đấu trở thành một khu vực đô thị phát triển năng động và hiện đại;

- Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành “Thành phố công nghiệp xanh”, hướng tới là đô thị thông minh, đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, có quy mô dân số 500.000 người vào năm 2035, có môi trường sống tốt, xanh, sạch đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, sinh kế cho người dân sống trong khu vực, nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

### **3. Tính chất**

- Là Khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản, gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn; vận hành theo cơ chế ưu đãi đặc biệt; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và khu vực Bắc Miền Trung;

- Là cụm đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại với trung tâm là thành phố công nghiệp Nghi Sơn và các đô thị Hải Ninh, Yên Mỹ, Thanh Tân, được phát triển theo mô hình đô thị Thông minh - Xanh - Bền vững;

- Là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn;

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh - quốc phòng.

### **4. Tầm nhìn**



Khu kinh tế Nghi Sơn hướng tới là một khu vực phát triển bền vững, trù phú, thịnh vượng; phát triển thống nhất với các chiến lược quy hoạch của quốc gia và tỉnh Thanh Hóa.

Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ trở thành khu kinh tế trọng điểm của cả nước và có tầm vóc quốc tế, cơ bản trải qua 03 thời kỳ phát triển quan trọng đó là:

- *Giai đoạn từ nay đến 2025*: Tiếp tục vai trò là khu kinh tế trọng điểm của cả nước, xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp (nặng, phụ trợ, sử dụng nhiều lao động). Hình thành đô thị, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

- *Giai đoạn 2026-2035*: Thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường. Gia tăng thu nhập dân cư, tăng tốc độ đô thị hóa, thúc đẩy phát triển mạnh du lịch, dịch vụ, phát triển thị trường tài chính, đáp ứng quốc tế hóa. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển đô thị thông minh.

- *Giai đoạn sau 2035*: Thay đổi ngành nghề công nghiệp (thu hút các công nghiệp nhẹ - mỏng - ngắn - nhỏ thay thế các loại hình nặng - dày - dài - lớn). Hoàn thiện đô thị thông minh, phát huy đầu tư của doanh nghiệp nội địa, phát triển nhà ở, xây dựng thị trường tài chính mới. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, ổn định kinh tế, gia tăng thu nhập người dân một cách bền vững.

## **5. Định hướng quy hoạch tổng thể khu kinh tế**

### **5.1. Định hướng tổ chức không gian**

Quy hoạch không gian tổng thể Khu kinh tế Nghi Sơn được triển khai theo phân khu (diện) và mạng lưới (tuyến) như sau:

- Hình thành mạng lưới kết nối các khu vực đô thị, lấy khu vực đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia làm trung tâm tổng hợp của Khu kinh tế Nghi Sơn, gắn với các chức năng hành chính, giáo dục, R&D và nhà ở đô thị;

- Hình thành 02 vành đai xanh dựa trên hệ thống núi rừng hiện hữu trong khu kinh tế. Vành đai thứ nhất là vùng đồi núi bao quanh vùng lõi khu kinh tế gồm: Khu vực khu kinh tế cũ và khu vực Đô thị trung tâm đô thị Tĩnh Gia; vành đai thứ 2 là vùng đồi núi bao quanh khu vực phía Tây và phía Đông Bắc của khu kinh tế mở rộng;

- Hình thành Trục cảnh quan đô thị chủ đạo của khu kinh tế theo hướng Tây Bắc - Đông Nam từ đỉnh núi Các Sơn (là đỉnh núi cao nhất trong khu vực) nối thẳng vị trí quy hoạch ga đường sắt trung tâm, hướng tới đảo Mê. Các không

gian chính và điểm nhân đô thị được tổ chức xoay quanh trục chủ đạo này;

- Phân vùng đất liền Khu kinh tế Nghi Sơn thành 05 khu vực như sau:

+ Khu vực cảng Nghi Sơn và phụ cận (gồm các xã Nghi Sơn, Hải Hà, Hải Thượng, Hải Yến, Mai Lâm, Tĩnh Hải, Hải Bình): Là khu vực trọng điểm phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn. Trong đó tập trung phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp phụ trợ, tổng kho xăng dầu và hóa chất, các kho xăng dầu, khí hóa lỏng, cảng biển, dịch vụ logistic, hậu cần cảng và một số chức năng khác;

+ Khu vực cửa ngõ phía Nam (các xã Tùng Lâm, Tân Trường, Trường Lâm, Phú Lâm): Là khu vực phát triển logistics, cảng cạn, công nghiệp phụ trợ, cơ khí chế tạo, vật liệu xây dựng, vv... Đây là khu vực trọng yếu về giao thông với Quốc lộ 1A, nút giao đường bộ cao tốc, đường sắt Bắc Nam, ga và đường sắt cao tốc. Là khu vực cửa ngõ của tỉnh Thanh Hoá và Khu kinh tế Nghi Sơn ở phía Nam, hình thành liên kết vùng với thị xã Hoàng Mai và tỉnh Nghệ An;

+ Khu vực đô thị trung tâm (gồm Thị trấn Tĩnh Gia và các xã Ninh Hải, Hải Hoà, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyên Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm): Là trung tâm Thành phố với các hoạt động thương mại, dịch vụ, hành chính – chính trị, văn hóa – xã hội, vv... Khu đất phía Tây khu đô thị trung tâm phát triển chuyên biệt về giáo dục, đào tạo và công nghiệp triển khai R&D, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Khu vực Đông Bắc (các xã Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Triều Dương, Ngọc Lĩnh, Hùng Sơn, Định Hải, Anh Sơn... và trung tâm là khu đô thị Hải Ninh): Là cửa ngõ phía Bắc của Khu kinh tế Nghi Sơn, có dải ven biển dài 15km. Quy hoạch phát triển du lịch biển kết hợp với đô thị; phát triển khu công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến thủy, hải sản, tổng kho đông lạnh gắn với tuyến tránh Quốc lộ 1A và đường đi Cảng hàng không Thọ Xuân;

+ Khu vực phía Tây (các xã Công Chính, Công Bình, Yên Mỹ, Các Sơn, Phú Sơn, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ): Là khu vực đồi núi, sông hồ phía Tây với trung tâm là hồ Yên Mỹ, phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên trở thành khu du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí của Khu kinh tế Nghi Sơn, ngoài ra khai thác phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch, chế biến nông, lâm sản.

## **5.2. Quy hoạch sử dụng đất:**

Bố trí quỹ đất phát triển các khu công nghiệp đảm bảo tính liên kết với hệ thống giao thông, cảng biển, lựa chọn đất xây dựng giảm thiểu việc di dân tái

định cư, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, hạn chế rủi ro ngập lụt, tăng mức độ mạch lạc của không gian. Sau năm 2035 sẽ phát triển thêm 3.000 ha đất công nghiệp về phía Tây Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn theo trục đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

Bố trí quỹ đất phát triển các khu chức năng khác (du lịch, dịch vụ, thương mại, công trình đầu mối, vv...) tại các vị trí thuận lợi, đảm bảo tính liên kết và hỗ trợ giữa các khu chức năng với nhau.

Bố trí quỹ đất phát triển các khu dân cư đảm bảo nhu cầu của người dân, đáp ứng sự phát triển của các khu chức năng trong khu kinh tế.

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất như bảng sau:

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QH GIAI ĐOẠN 2025	QH GIAI ĐOẠN 2035	
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QH</b>	<b>106000,0</b>	<b>106000,0</b>	<b>106000,0</b>	<b>100,0</b>
*	<b>DIỆN TÍCH ĐẤT LIỀN VÀ ĐẢO</b>	<b>66497,6</b>	<b>66497,6</b>	<b>66497,6</b>	<b>62,7</b>
A	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ</b>	<b>4866,5</b>	<b>7220,7</b>	<b>9528,0</b>	<b>9,0</b>
I	<b>Đất dân dụng</b>	<b>3044,7</b>	<b>4470,3</b>	<b>5289,3</b>	<b>5,0</b>
1	Đất đơn vị ở khu vực nội thị	2234,6	3156,5	3594,0	3,4
1.1	<i>Đất ở hiện trạng đô thị</i>	2234,6	2198,0	2148,0	2,0
1.2	<i>Đất ở phát triển</i>	-	958,5	1446,0	1,4
2	Đất công cộng dịch vụ đô thị	51,7	189,8	227,3	0,2
3	Đất cây xanh công viên đô thị	5,3	323,0	443,0	0,4
4	Đất giao thông đô thị	753,1	801,0	1025,0	1,0
II	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>1821,8</b>	<b>2750,4</b>	<b>4238,7</b>	<b>4,0</b>
1	Đất thương mại dịch vụ ngoài dân dụng	158,6	412,0	883,0	0,8
2	Đất giáo dục đào tạo	22,6	209,0	209,0	0,2
3	cây xanh cảnh quan	0,0	334,0	414,0	0,4
4	Đất công trình đầu mối	65,4	142,5	231,2	
4.1	<i>Khu xử lý rác thải</i>	31,2	40,0	108,7	0,1
4.2	<i>Ga dân dụng</i>	5,5	12,5	12,5	0,0
4.3	<i>Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khác</i>	28,7	90,0	110,0	0,1
5	Đất giao thông đối ngoại	1575,2	1652,9	2501,5	2,4
B	<b>ĐẤT CÁC KHU CHỨC NĂNG ĐẶC THÙ KHÁC</b>	<b>61631,1</b>	<b>59276,9</b>	<b>56969,6</b>	<b>53,7</b>
1	<b>Đất công nghiệp, kho tàng</b>	<b>2463,0</b>	<b>7322,2</b>	<b>9058,4</b>	<b>8,5</b>
1.1	Khu Đông Bắc	0,0	1258,0	1720,0	1,6
-	<i>Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ...</i>	<i>0,0</i>	<i>954,0</i>	<i>1392,0</i>	<i>1,3</i>
-	<i>Công nghiệp chế biến thủy hải sản</i>	<i>0,0</i>	<i>304,0</i>	<i>328,0</i>	<i>0,3</i>
1.2	Khu trung tâm	15,0	781,0	781,0	0,7

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QH GIAI ĐOẠN 2025	QH GIAI ĐOẠN 2035	
-	Công nghiệp triển khai R&D	0,0	590,0	590,0	0,6
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sạch	15,0	191,0	191,0	0,2
1.3	Khu cảng Nghi Sơn	2398,0	2778,4	2778,4	2,6
-	Công nghiệp nặng, công nghiệp cơ bản, CN Phụ trợ	2197,0	2508,0	2508,0	2,4
-	Kho tàng, tổng kho	160,0	229,4	229,4	0,2
-	Công nghiệp chế biến thủy hải sản	41,0	41,0	41,0	0,0
1.4	Khu cửa ngõ phía Nam	50,0	1014,8	1372,0	1,3
-	Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp vật liệu xây dựng	50,0	934,8	1279,0	1,2
-	Cảng cạn, logistics	0,0	80,0	93,0	0,1
1.5	Khu phía Tây	0,0	1490,0	2407,0	2,3
-	Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, chế biến nông lâm sản...	-	1320,0	2060,0	1,9
-	Công nghiệp điện năng lượng mặt trời	-	170,0	347,0	0,3
<b>2</b>	<b>Đất cảng</b>	<b>100,3</b>	<b>618,2</b>	<b>741,2</b>	<b>0,7</b>
2.1	Bến thủy nội địa Khu Đông Bắc	2,9	6,2	6,2	0,0
2.2	Cảng biển Nghi Sơn	97,4	612,0	735,0	0,7
<b>3</b>	<b>Đất khu sinh thái, khu dịch vụ du lịch</b>	<b>185,0</b>	<b>4770,0</b>	<b>6711,9</b>	<b>6,3</b>
3.1	Khu du lịch biển	17,0	369,0	432,1	0,4
3.2	Khu du lịch sinh thái	168,0	4401,0	6279,9	5,9
-	Khu sinh thái, công viên chuyên đề, sân Golf hồ Hao Hao	0,0	1109,0	1619,0	1,5
-	Khu sinh thái hồ Khe Sanh	0,0	0,0	92,7	0,1
-	Khu sinh thái sông Bạng	0,0	890,0	890,0	0,8
-	Khu sinh thái hồ Quế Sơn	120,0	160,0	160,0	0,2
-	Khu sinh thái đảo Nghi Sơn	48,0	126,6	126,6	0,1
-	Khu sinh thái rừng Trường Lâm	0,0	553,9	553,9	0,5
-	Khu sinh thái, sân golf sông Tuân, hồ Kim Giao 2	0,0	373,5	501,0	0,5
-	Khu sinh thái, sân golf hồ Yên Mỹ	0,0	800,0	1660,0	1,6
-	Khu phục vụ du lịch hồ Yên Mỹ	0,0	50,0	101,7	0,1
-	Khu sinh thái hồ Khe Lau	0,0	100,0	337,0	0,3
-	Khu sinh thái đảo Hòn Mê	0,0	238,0	238,0	0,2
<b>4</b>	<b>Đất ở hiện trạng nông thôn</b>	<b>2304,3</b>	<b>1811,0</b>	<b>1333,8</b>	<b>1,3</b>
<b>5</b>	<b>Đất an ninh, quốc phòng</b>	<b>633,5</b>	<b>450,0</b>	<b>411,2</b>	<b>0,4</b>
<b>6</b>	<b>Đất di tích, tôn giáo tín ngưỡng</b>	<b>57,8</b>	<b>160,5</b>	<b>360,5</b>	<b>0,3</b>
<b>7</b>	<b>Đất khu nghĩa trang</b>	<b>509,8</b>	<b>375,2</b>	<b>100,0</b>	<b>0,1</b>
-	Nghĩa trang Núi Bọm	-	20,0	30,0	0,0
-	Nghĩa trang Nguyễn Bình	19,3	40,0	70,0	0,1
-	Các khu nghĩa trang khác	490,5	315,2	0,0	0,0

STT	CÁC KHU CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (ha)			TỶ LỆ (%)
		HIỆN TRẠNG	QH GIAI ĐOẠN 2025	QH GIAI ĐOẠN 2035	
8	cây xanh ven sông	679,3	666,5	656,0	0,6
9	Đất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	47708,3	38759,7	33428,5	31,5
9.1	Đất lâm nghiệp (một phần diện tích đất lâm nghiệp nằm trong các khu du lịch sinh thái)	29077,2	27784,8	26605,3	25,1
-	Đất rừng phòng hộ	6539,2	7721,5	7721,5	7,3
-	Đất rừng sản xuất	22538,0	20063,3	18883,8	17,8
9.2	Đất nuôi trồng thủy sản	1251,3	1121,0	834,0	0,8
9.3	Đất sản xuất nông nghiệp	17177,8	9815,2	5950,5	5,6
-	Đất lúa	7879,2	5566,5	3013,0	2,8
-	Đất trồng cây hàng năm	4836,1	2714,5	1847,0	1,7
-	Đất trồng cây lâu năm	4462,5	1534,2	1090,5	1,0
9.4	Đất nông nghiệp khác	202,0	38,7	38,7	0,0
10	Đất mặt nước, sông, suối	3531,8	4054,4	4078,3	3,8
11	Đất chưa sử dụng và đất đồi núi khác	3458,0	289,2	89,8	0,1
**	DIỆN TÍCH BIỂN	39502,4	39502,4	39502,4	37,3
1	Khu neo đậu, chuyển tải	240,0	1030,0	1030,0	1,0
2	Khu neo đậu, tránh trú bão	1287,5	1287,5	1287,5	1,2
3	Vùng đón trả hoa tiêu và kiểm dịch	1040,6	1040,6	1040,6	1,0
4	Hành lang đường ống nhập dầu thô	350,5	350,5	350,5	0,3
5	Luồng cảng	2400,0	3600,0	4800,0	4,5
6	Mặt biển	34183,8	32193,8	30993,8	29,2

### 5.3. Quy hoạch phát triển công nghiệp:

Quy hoạch phát triển công nghiệp trong khu kinh tế theo lộ trình ban đầu tập trung thu hút “Công nghiệp nặng và công nghiệp phụ trợ” với trụ cột là công nghiệp lọc hóa dầu, xi măng, nhiệt điện, gang thép và các lĩnh vực liên quan, lấy phát triển Cảng biển làm hạ tầng giao thông nền tảng; giai đoạn dài hạn tập trung thu hút công nghiệp nhẹ, công nghiệp công nghệ cao, giảm dần các loại hình công nghiệp ô nhiễm môi trường. Theo đặc điểm của từng khu vực, định hướng quy hoạch các loại hình công nghiệp như bảng sau:

Khu vực	Diện tích (ha)	Phân loại ngành thu hút
Trung tâm đô thị	781	Ngành công nghệ cao, R&D
Cảng Nghi Sơn	2778	Ngành công nghiệp nặng; công nghiệp cơ bản; cơ khí chế tạo, tổng kho dầu thô, hóa

		chất; các kho xăng dầu, khí hóa lỏng; công nghiệp phụ trợ, ...
Cửa ngõ phía Nam	1372	Công nghiệp phụ trợ; vật liệu xây dựng; cảng cạn, logistic, ...
Phía Đông Bắc	1720	Công nghiệp nhẹ; công nghiệp phụ trợ, chế biến thủy, hải sản; tổng kho đông lạnh, ...
Phía Tây	2.407	Công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp sạch, điện năng lượng mặt trời, chế biến nông lâm sản; ...
Tổng	9.058,4	

## 6. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

### 6.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

#### 6.1.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông đối ngoại

##### a) Về mạng lưới giao thông đường bộ:

##### *Nâng cấp các tuyến*

- Quốc lộ 1A (quy mô 06 làn xe chính): Là tuyến đường kết nối Thành phố Thanh Hoá đến Khu kinh tế Nghi Sơn, là trục Bắc Nam quan trọng của Khu kinh tế Nghi Sơn; đoạn đi qua khu vực Hải Ninh CGDD rộng 55,0m; đoạn đi qua khu vực trung tâm CGDD rộng 74,0m; đoạn đi qua khu vực Khu kinh tế cũ CGDD rộng 47,0m;

- Tuyến CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối sân bay Sao Vàng đến Khu kinh tế Nghi Sơn, tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại, vừa đóng vai trò đường vành đai xanh số 1 của đô thị, CGDD rộng 76,0m;

- Đường Nghi Sơn – Bãi Trành (quy mô 02-08 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường Hồ Chí Minh đến cảng Nghi Sơn, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là đường vận tải hàng hoá chính đô thị; gồm 02 đoạn: Đoạn từ đường bộ cao tốc Bắc Nam đi đường Hồ Chí Minh, CGDD 17,5m; Đoạn từ nút giao cao tốc tại xã Tân Trường đến nút giao cầu Hồ, CGDD 51,0m.

- Đường Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn (quy mô 08-12 làn xe): Là tuyến đường kết nối Quốc lộ 1A với cảng biển Nghi Sơn đóng vai trò vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu qua khu vực cảng biển Nghi Sơn; gồm 03 đoạn: Đoạn từ nút giao cầu Hồ đến đường Bắc Nam 1B, CGDD 66,0m; đoạn nối từ nút giao đường với đường Bắc Nam 1B đến cảng biển Nghi Sơn, CGDD 51,0m; đoạn tuyến đường tỉnh 513, CGDD 43,5m;

- Tuyến đường 525 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường cao tốc đến khu đô thị Hải Ninh, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là đường vận tải hành khách chính của đô thị có ký hiệu mặt cắt 4-4, CGDD 39,0m;

- Tuyến đường 512 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 529 với Quốc lộ 1A, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là trục đường ngang phía Bắc của đô thị, CGDD 39,0m;

- Tuyến đường Đông Tây 1 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối với đường Nghi Sơn - Bãi Trành và Ga đường sắt cao tốc với khu vực đô thị, vừa đóng vai trò là đường đối ngoại vừa đóng vai trò là trục đường ngang trung tâm của Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD 36,0m;

- Tuyến đường 529 (quy mô 04 làn xe): Là trục dọc phía Tây đóng vai trò như vành đai xanh số 2 kết nối thị xã Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An và huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá với Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD 25,0m.

#### ***Xây dựng mới:***

- Cao tốc Bắc Nam (quy mô 6 làn xe): Tạo mối liên hệ giữa Khu kinh tế Nghi Sơn với các tỉnh thuộc Đồng bằng Bắc Bộ và tỉnh Nghệ An. Tuyến vừa đóng vai trò đường đối ngoại vừa đóng vai trò đường vành đai 2 dọc phía Tây đô thị. Đoạn qua qua khu kinh tế gồm hai loại mặt cắt (đoạn có đường gom hai bên và đoạn có đường gom một bên) CGDD lần lượt là 132,5m và 120,0m;

- Tuyến đường bộ ven biển (quy mô 08 làn xe): Đi phía Đông cách bờ biển từ (400-800)m, là tuyến đường liên kết Nghi Sơn với các đô thị ven biển phía Bắc như Hải Phòng, các đô thị phía Nam như Nghệ An, CGDD 48,0m;

- Tuyến đường nối Quốc lộ 1A với đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (quy mô 06 làn xe): Là tuyến đường kết nối sân bay đến khu kinh tế, tuyến đóng vai trò đường đối ngoại và là trục Bắc Nam quan trọng của Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD rộng 64,0m;

- Tuyến nhánh nối Quốc lộ 1A với đường nối Quốc lộ 1A (quy mô 04 làn xe): Là tuyến nhánh giai đoạn đầu nối QL1A phía sau cầu Ghép với tuyến đường mới nối Quốc lộ 1A với đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD rộng 27,0m.

#### ***Nút giao thông***

\* Nút giao khác mức

- Xây dựng mới 02 vị trí giao khác mức kiểm soát lỗi ra vào trên đường cao tốc Bắc Nam tại xã Vạn Thiện (tuyến đường ngang nối QL.45 và đường Thọ Xuân – Nghi Sơn) và nút giao tại xã Tân Trường (đường Nghi Sơn - Bãi Trành);

- Xây dựng 02 nút giao trên Quốc lộ 1A một nút giao khác mức dạng hoa thị tại vị trí giao giữa đường Nghi Sơn – Bãi Trành và đường tỉnh 513 với Quốc lộ 1A (nút giao cầu HỒ) và một nút khác mức dạng cầu vượt trực thông tại vị trí giao giữa đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với Quốc lộ 1A (nút giao Khoa Trường);

- Xây dựng 01 vị trí giao khác mức dạng cầu vượt trực thông tại vị trí giao giữa đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn và đường tỉnh 512.

\* Nút giao cùng mức: Tại tất cả các vị trí giao nhau giữa trực giao thông đối ngoại với trục chính đô thị xây dựng các nút có đảo tự điều chỉnh (như các nút giao giữa đường Bắc Nam 2 với đường bộ ven biển; Quốc lộ 1A và đường Đông Tây 1; Quốc lộ 1A và đường tỉnh 525, đường 512,...)

#### ***b) Định hướng cơ bản về đường sắt***

\* Giai đoạn 2025:

- Giữ nguyên hướng tuyến đường sắt thống nhất Bắc-Nam theo hiện trạng;

- Quy hoạch tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam nằm sát phía Đông đường bộ cao tốc Bắc Nam (theo hồ sơ QHC đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2007);

- Xây dựng mới ga trung chuyển nằm tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistic;

- Nâng cấp, mở rộng ga Văn Trai (tại xã Hải Nhân) hiện tại thành ga hành khách chính nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách cho Thành phố Nghi Sơn.

\* Giai đoạn 2035 và định hướng đến 2050:

- Xây dựng tuyến đường sắt nối từ vị trí quy hoạch ga hàng hóa mới tại Trường Lâm kết nối ra ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn qua hầm chui núi Bằng Me, núi Thung, chạy song song theo tuyến đường bộ Đông Tây 4;

- Xây dựng ga đường sắt tại cảng biển nằm tiếp giáp với Khu bến cảng container số 2;

- Xây dựng ga hành khách đường sắt cao tốc Bắc Nam tại xã Phú Lâm.

#### ***c) Định hướng cơ bản về đường biển***



- Lượng hàng hóa thông qua cảng Nghi Sơn dự báo đến năm 2035 là: khoảng 101 triệu tấn;

- Mở rộng khu bến cảng container 02 thêm 02 bến về phía Đông và mở rộng phần khu hậu cần cảng container 02 về phía Nam hết vùng nước tỉnh Thanh Hóa;

- Xây dựng đê chắn sóng phía Bắc, mở rộng thêm cảng biển từ phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu đến giáp đường Đông Tây 2;

- Xây dựng khu phát triển dịch vụ Logistic;

- Nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT – 100.000DWT.

***d) Định hướng cơ bản về đường thủy***

- Nâng cấp cảng Lạch Bạng kết hợp với âu tàu tránh trú bão (800 tàu/400 CV);

- Nạo vét luồng lạch sông Yên đoạn từ phao số 0 đến cầu Ghép dài 12 km hiện là cấp 2 ĐTNĐ, bề rộng 60m, sâu 4,2m, cho tàu đến 600 tấn đi lại. Cảng này sẽ đáp ứng nhu cầu vận chuyển các mặt hàng nông sản, thủy hải sản và hàng tiêu thu công nghiệp cho khu công nghiệp phía Bắc;

- Quy hoạch tuyến phục vụ du lịch trên biển: Là tuyến từ bờ ra đảo Hòn Mê. Tuyến dài 20 km được công bố là tuyến ĐTNĐ Quốc gia do Cục ĐTNĐ quản lý theo quyết định số 304/QĐ – BGTVT ngày 01/02/2010, cấp kỹ thuật đạt cấp 1 ĐTNĐ, đã đủ báo hiệu chỉ luồng cho tàu lưu thông 24/24h;

- Nạo vét luồng lạch sông Bạng, xây dựng kè dọc 2 bên sông khai thác du lịch cảnh quan ven sông Bạng;

- Quy hoạch các bến thuyền du lịch tại đảo Biện Sơn và tại xã Hải Thanh.

***e) Định hướng cơ bản về đường hàng không***

Sử dụng sân bay Thanh Hóa quy hoạch tại huyện Thọ Xuân, khoảng cách đến Nghi Sơn là 60 km.

**6.1.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông đối nội**

Mạng lưới đường dạng ô bàn cờ, phân bố chủ yếu theo hướng Bắc Nam và Đông Tây, bao gồm đường Trục chính đô thị: phục vụ giao thông toàn đô thị, kết nối các khu chức năng của đô thị gồm 2 hướng chính là Bắc – Nam và Đông – Tây; đường khu vực: trên cơ sở các tuyến giao thông hiện có, cải tạo và mở rộng đảm bảo việc kết nối giao thông trong đô thị.

**\* Đường chính đô thị:**

- Tuyến đường Hải Hoà – CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (quy mô 08 làn xe): Là tuyến nối tiếp đường CHK Thọ Xuân – Nghi Sơn với khu du lịch Hải Hoà, , CGDD 43,0m;

- Tuyến đường Bắc Nam 2 (quy mô 06 làn xe): Là tuyến nối đô thị trung tâm với khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD 36,0m;

- Tuyến đường Tân Trường - Thanh Tân (quy mô 04 làn xe): Là tuyến nối khu vực thị xã Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với khu công nghiệp phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, CGDD 27,0m;

- Tuyến đường Vành đai Khu công nghiệp Tân Trường (quy mô 08 làn xe): Là tuyến nối Khu công nghiệp Tân Trường, cảng tổng hợp với cảng biển, CGDD 43,0m.

**\* Đường liên khu vực:**

- Tuyến trục chủ đạo là trục cảnh quan trung tâm của đô thị theo hướng trục ảo nhìn từ đỉnh Am Các đến đảo Mê, CGDD 96,0m;

- Đường trục cảnh quan Định Hải – Hải Lĩnh là trục cảnh quan đi qua khu vực công viên chuyên đề, tạo hướng nhìn từ núi Am Các xuống cửa biển Hải Lĩnh, CGDD 48,0m;

- Đường trục trung tâm đô thị phía Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn, nối khu công nghiệp phía Bắc với khu sinh thái biển phía Đông Bắc, CGDD 43,0m;

- Đường Hải Ninh – Hùng Sơn (quy mô 04 làn xe) là tuyến vành đai khu đô thị phía Bắc, CGDD 27,0m;

- Đường Anh Sơn – Yên Mỹ (quy mô 04 làn xe) là tuyến nối khu đô thị Yên Mỹ với khu công nghiệp phía Bắc, CGDD 25,0m;

- Đường Yên Lạc 1 (quy mô 04 làn xe) là tuyến kết nối tỉnh lộ 529 với tỉnh lộ 505 đi huyện Như Thanh, CGDD 25,0m;

- Tuyến Đông đường sắt Bắc Nam (quy mô 04 làn xe) đi song song với đường sắt Bắc Nam nối khu công nghiệp phía Bắc đến khu vực Ga trung tâm và kết nối ra đường Quốc lộ 1A, CGDD 25,0m;

- Tuyến Tây đường sắt Bắc Nam (quy mô 02 làn xe) đi song song với đường sắt Bắc Nam nối khu công nghiệp phía Bắc với khu công nghiệp công nghệ cao, R&D và kết nối ra đường Quốc lộ 1A, CGDD 25,0m;

- Tuyến Hải Nhân – Xuân Lâm (quy mô 06 làn xe) đi song song với QL1A về phía Tây kết nối trung tâm đô thị với khu công viên chuyên đề, CGDD 36,0m;

- Tuyến Ninh Hải – Bình Minh (quy mô 04 làn xe) đi song song với QL1A về phía Đông kết nối trung tâm đô thị với khu vực cảng Nghi Sơn qua tuyến đường bộ ven biển, CGĐĐ 27,0m;

- Tuyến Hải Châu – Ngọc Lĩnh (quy mô 06 làn xe) đóng vai trò như tuyến vành đai của khu đô thị phía Bắc, CGĐĐ 48,0m;

- Tuyến Anh Sơn – Ninh Hải (quy mô 03 làn xe) kết nối khu công nghiệp phía Bắc với khu du lịch ven biển qua khu đô thị trung tâm, CGĐĐ 16,5m;

- Tuyến Đông đường sắt cao tốc Bắc Nam (quy mô 04 làn xe) đi song song với đường sắt các tốc Bắc Nam nối khu công nghiệp 3+4+5 với ga tổng hợp, CGĐĐ 25,0m.

**\* Đường chính khu vực:**

- Tuyến Bắc Nam 3 (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 28,0m;

- Tuyến Bắc Nam 4 (quy mô 06 làn xe), CGĐĐ 36,0m;

- Tuyến Đông Tây 2 (quy mô 08 làn xe chính + 02 làn đường gom), CGĐĐ 57,0m;

- Đường Tỉnh Hải – Cảng cá (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 30,0m;

- Đường Nam Khu công nghiệp số 6 (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 60,0m;

- Đường Khu công nghiệp 3+4+5 (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 27,0m;

- Đường Hải Hoà – Bình Minh; Tân Dân – Hải Ninh (quy mô 04 làn xe), CGĐĐ 43,0m;

- Đường Bình Minh – Nguyên Bình (quy mô 04-06 làn xe), CGĐĐ 34,0m và 27,0m;

- Tuyến Hải Lĩnh – Bình Minh (quy mô 03-04 làn xe), CGĐĐ 27,0m và 20,5m;

- Đường Hải Châu – Hải An; Tân Dân – Hải Ninh (quy mô 04 làn xe) CGĐĐ 25,0m;

- Đường Yên Lạc 2; Hùng Sơn – Thanh Thủy (quy mô 03 làn xe), CGĐĐ 16,5m;

- Đường Triều Dương – Hải Ninh; Hải An; Hải An Tân Dân; Các Sơn – Định Hải; Yên Mỹ 1; 2; 3 (quy mô 03 làn xe) có ký hiệu mặt cắt 21-21, CGĐĐ 20,5m; mặt đường 10,5m vỉa hè 2x5,0m.

**6.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

### 6.2.1. Giải pháp san nền cụ thể

#### a) Phân chia lưu vực, lựa chọn cao độ san nền không chế:

Khu vực quy hoạch phân chia thành 05 lưu vực bao gồm:

**Lưu vực 1:** Khu vực phía Bắc với trục tiêu thủy chính là sông Thị Long sau đó thoát ra sông Yên rồi ra biển có diện tích lưu vực  $F = 14.735$  ha;

- Đê tả sông Thị Long: Dài 8.0km, đê cấp IV; Cao trình đê +4,6m với 12 cống tiêu. chống với mức lũ năm 1978 tại hạ lưu cầu Thị Long + 4.12m;

- Đê hữu sông Thị Long: Dài 14.4km, đê cấp IV; Cao trình đê từ +3m đến +6m với 19 cống tiêu;

- Đê bao Thị Long dài 3.6km, đê cấp V; Cao trình từ +3m đến +3.2m;

Khu vực xây dựng công nghiệp được bảo vệ bởi đê sông Thị Long nên chọn cao độ xây dựng nhỏ nhất +4,00m đảm bảo không ngập úng ứng với tần suất  $P=1\%$ ; Riêng khu vực phía Tây lưu vực không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

**Lưu vực 2:** Khu vực phía Đông Bắc với trục tiêu thủy chính là kênh cầu Trắng và kênh Than (kênh than nối sông Yên tại cống bến Ngao và sông Bạng tại cống đò Bè. Hướng thoát chính ra cửa Lạch Bạng, diện tích lưu vực  $F = 9.387$ ha; Kênh Than có chiều rộng kênh từ (30-:-150)m, chiều rộng thoát lũ từ (150-500)m, dài kênh 24km.

Khu vực dân dụng lựa chọn cao độ đảm bảo chống được lũ với mức  $P=10\%$  được chia làm 02 lưu vực nhỏ:

- Cao độ xây dựng khu vực phía Tây kênh Than nhỏ nhất : +4.50m

- Cao độ xây dựng khu vực phía Đông kênh Than nhỏ nhất : +3.20m

**Lưu vực 3:** Khu vực phía Tây và phía Nam hồ Yên Mỹ, với các trục tiêu thủy là các khe suối được thoát về hồ yên mỹ diện tích lưu vực  $F = 16.157$  ha; Khu vực này là vùng bảo vệ nguồn nước, hạn chế xây dựng và không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

- Cao độ xây dựng khu vực xã Thanh Kỳ: +25.00m

- Cao độ xây dựng xã Phú Sơn, Phú Lâm: +27.00m

**Lưu vực 4:** Khu sông Bạng với các trục tiêu thủy chính là sông Thạch Luyện, sông Tuần Cung và sông Lạch Bạng thoát ra cửa Lạch Bạng diện tích lưu vực  $F = 21.207$ ha; chiều dài sông bạng 17.5km (cầu Hồ - cửa biển), chiều

rộng lòng sông phần hạ du 150-200m, có đoạn 400-500m đáy sông -4.0m đến -6.0m; Cao trình đê sông Bạng hiện từ +3.0m đến +3.6m; Đây là lưu vực thuộc quy hoạch Khu kinh tế Nghi Sơn đã được Thủ Tướng phê duyệt vì vậy lựa chọn cao độ tuân thủ theo Quyết định 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007. Chi tiết cao độ xây dựng các khu vực cụ thể như sau:

- Cao độ xây dựng khu vực thuộc xã Xuân Lâm, Bình Minh: +3.30m
- Cao độ xây dựng khu vực thuộc xã Trúc Lâm: +3.20m
- Cao độ xây dựng khu vực dân cư Tùng Lâm: +4.60m
- Cao độ xây dựng khu vực thuộc các KCN số 3, số 4, số 5: +4.60m
- Cao độ xây dựng khu vực thuộc xã Tân Trường, Trường Lâm: +3.30m

Ngoài ra khu vực phía Đông và Đông Nam sông Bạng gồm xã Hải Bình và xã Hải Thanh được bảo vệ bởi đê sông Bạng có cao độ nền tương đối cao đều  $\geq +3,0m$  nên đảm bảo không ngập úng ứng với tần suất  $P = 10\%$  (đã tính đến khi sóng gặp triều cường). Vì vậy khi san nền chỉ cần san gạt tạo độ dốc, tạo mặt bằng và độ dốc nền thuận lợi.

**Lưu vực 5:** Khu vực phía Đông Nam với trục tiêu thủy chính là sông Yên Hòa và hồ đồng chừa diện tích lưu vực  $F = 5.011$  ha; Đây là lưu vực thuộc quy hoạch KKT Nghi Sơn đã được Thủ Tướng phê duyệt vì vậy lựa chọn cao độ tuân thủ theo Quyết định 1364/QĐ-TTg ngày 10/10/2007; Cao độ xây dựng +3.50m đảm bảo không ngập úng ứng với tần suất  $P=1\%$ ; Khu vực Nam sông lưu vực sông Yên có cao độ hiện trạng (nhỏ nhất là +5.0m) không bị ảnh hưởng của lũ sông và triều nên chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo độ dốc nền thuận lợi.

**b) Giải pháp san nền:**

- Độ dốc nền thoát nước là  $i=0,004- 0,03$ , đảm bảo thoát nước mặt tốt;
- San lấp cục bộ, cân bằng đào đắp đối với khu vực  $i < 10\%$  theo nguyên tắc xử lý cục bộ tại chỗ, cân bằng đào đắp trong từng công trình. Các khu vực không tổ chức xây dựng sẽ giữ nguyên địa hình tự nhiên;
- San lấp theo các cấp liên hệ với nhau bằng dải cây xanh và mái Taluy, hệ số mái dốc  $m = 1/0.75$  đối với khu vực có độ dốc tự nhiên:  $10\% \leq i \leq 20\%$ ;
- Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi phát triển xen cấy bổ sung xây dựng thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần quản lý cao độ nền. Nền xây dựng phải đảm bảo phối kết hài hoà với khu vực xung quanh, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước chung của khu vực;

## 6.2.2. Giải pháp thoát nước mưa:

### \* Hệ thống thoát:

- Dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, dùng hệ thống công tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận gần nhất (sông, hồ, biển);
- Mạng lưới thoát nước trải đều theo mạng lưới đường đảm bảo 70% - 80% các tuyến đường có cống.

### \* Giải pháp kỹ thuật:

Hệ thống thoát nước được thiết kế hoạt động theo chế độ tự chảy bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kỹ thuật, hố ga và cửa xả.

- Chỉ tiêu mật độ cống: 120 - 150m/ha đất xây dựng đô thị, 70%-80% tổng chiều dài đường đô thị có cống;
- Cống qua đường sử dụng loại cống bản hoặc (BTCT). Độ sâu chôn cống qua đường  $h > 0,75\text{m}$ . Độ dốc đáy cống đảm bảo  $i > 0.004$ ;
- Giếng thu nước mưa được thiết kế kiểu hàm ếch, khoảng cách các giếng lấy theo TCVN 4449-87, khoảng cách  $L = 40-50\text{m}$ ;
- Mạng lưới cống thoát nước mưa đổ ra 80 cửa xả.

## 6.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện

Tổng nhu cầu sử dụng điện của Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Đợt đầu (2018÷2025): 1303,3 MVA;
- Dài hạn (2025÷2035, tầm nhìn đến 2050): 2737.1 MVA.

### \* Định hướng cấp điện

#### a) Nguồn điện và lưới điện truyền tải

- Nguồn điện cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn là hệ thống điện Quốc gia khu vực miền Trung, thông qua lưới điện 500kV và 220kV;
- Lưới điện Quốc gia: Trong ranh giới quy hoạch có tuyến 220kV mạch đơn từ Thanh Hóa đi Vinh, dây dẫn AC 300. Đây là tuyến chính cấp cho toàn bộ khu vực và liên kết với hệ thống điện Quốc gia cấp 220kV;
- Nhà máy điện: Hiện tại Nghi Sơn đã có quy hoạch trung tâm điện lực Nghi Sơn với tổng công suất 2.400MW (đã được Bộ Công thương phê duyệt năm 2017). Hiện nay đã đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn I với công suất 600MW, đang xây dựng Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn II với công suất 1.200MW. Đấu nối với hệ thống điện Quốc gia thông qua 2 cấp điện áp 220kV và 500kV.

Ngoài ra còn có nhà máy điện phục vụ cho Nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn với tổng công suất 400MW; và dự án nhà máy điện mặt trời tại xã Phú Lâm có diện tích khoảng 170ha đang được chuẩn bị đầu tư với công suất 160MWp.

### **b) Lưới điện**

- Lưới 220kV: Phương án xây dựng mới trạm 220kV KKT Nghi Sơn (cập nhật QH phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035):

+ Xây dựng mới trạm 220kV Nông Cống, công suất 2x250MVA;

+ Xây dựng mới trạm 220kV KKT Nghi Sơn, quy mô công suất 2x250MVA, lắp 01 máy 250MVA giai đoạn 2016- 2020, lắp máy 02 công suất 250MVA giao đoạn 2021-2025;

+ Xây dựng mới đường dây 220kV từ trạm 500kV Nghi Sơn đi trạm 220kV KKT Nghi Sơn, dây dẫn AC-2x330;

Lưới 110kV: Nguồn cung cấp điện cho lưới điện 110kV khu kinh tế được lấy từ trạm 220kV Nghi Sơn. Cụ thể sẽ được phân vùng phụ tải qua các trạm trung gian 110kV theo từng giai đoạn triển khai của khu kinh tế.

Dự kiến xây dựng và cải tạo các trạm 110kV:

+ Trạm 110kV Tĩnh Gia: Công suất đặt máy là 2x63MVA. Phạm vi cấp điện của trạm là khu công nghiệp 1 và 2. Đầu nối trạm từ tuyến 110kV mạch kép hiện có;

+ Trạm 110kV Xi măng Nghi Sơn: Công suất (35+40)MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110kV Gang Thép 1,2: Công suất mỗi trạm 4x63MVA là trạm chuyên dùng;

+ Trạm 110KV Fecrom: Công suất (10+16)MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110KV Xi măng Công Thanh: Công suất dự kiến 2x40MVA là trạm chuyên dùng và không dự kiến mở rộng;

+ Trạm 110KV KCN Nghi Sơn 1: Công suất dự kiến 2x40MVA, cấp điện cho 03 khu công nghiệp 3,4,5;

+ Trạm 110KV KCN Nghi Sơn 2: Công suất dự kiến 2x40MVA, cấp điện cho khu vực đất công nghiệp phía Bắc nhà máy lọc hóa dầu;

+ Trạm 110KV KCN Trường Lâm: Công suất dự kiến 2x40MVA, đợt đầu 40MVA cấp điện cho khu vực đất công nghiệp phía Nam khu kinh tế thuộc xã Trường Lâm;

+ Trạm 110kV Nguyên Bình (Tĩnh Gia 2): Công suất dự kiến 2x63MVA, đợt đầu 63MVA, cấp điện cho khu công nghiệp công nghệ cao và đô thị trung tâm. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Triệu Dương (Tĩnh Gia 3): Công suất dự kiến 2x40MVA, đợt đầu 40MVA, cấp điện cho đô thị Hải Ninh. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Hùng Sơn: Công suất dự kiến 2x80MVA, đợt đầu 40MVA, cấp điện cho khu công nghiệp phát triển phía Đông Bắc khu kinh tế. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Yên Mỹ: Công suất dự kiến 2x25MVA, đợt đầu 25MVA, cấp điện cho khu vực đô thị Yên Mỹ. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Công Chính: Công suất dự kiến 2x63MVA, đợt đầu 63MVA, cấp điện cho khu phía Bắc của khu công nghiệp phía Tây Bắc khu kinh tế. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Trạm 110KV Thanh Kỳ: Công suất dự kiến 63MVA, cấp điện cho khu vực đô thị Thanh Kỳ, khu du lịch sinh thái hồ Yên Mỹ và khu đô thị Phú Lâm, Phú Sơn. Nguồn cấp cho trạm bằng cách đấu rẽ nhánh trên trục 110kV hiện có từ Thanh Hóa đi Nghi Sơn.

#### **c) Lưới điện trung áp:**

Lưới điện trung áp trong khu vực được thiết kế sử dụng điện áp 22kV để chuẩn hóa thiết bị toàn quốc. Tuyến điện 35kV hiện tại sẽ dần được cải tạo và chuyển sang vận hành ở điện áp 22kV.

### **6.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước**

#### **a) Nhu cầu dùng nước:**

Tổng nhu cầu dùng nước các khu đô thị và công nghiệp: 382.000 m<sup>3</sup>/ng.đ

#### **b) Chọn nguồn nước:**

- Giai đoạn đến năm 2025:



+ Theo Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 thì khi trạm bơm Trường Minh đi vào hoạt động vào năm 2019 sẽ bổ sung thêm được  $50.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , nâng tổng lượng nước có khả năng cấp cho Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2019 từ 3 hồ Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa là  $175.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$

+ Đến năm 2025 với nhu cầu dùng nước tăng thêm là  $106.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$  (tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2025  $281.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ ) vì vậy cần bổ sung nguồn nước được lấy từ hồ Cửa Đạt, dẫn theo sông Chu về đến đập Bái Thượng, tại Bái Thượng lấy nước vào kênh Chính, dẫn qua  $19.200\text{m}$  và đưa vào kênh Nam, qua cống Phúc Như, dẫn theo kênh Nam đến vị trí tại K20+300 (vị trí dự kiến đặt trạm bơm lấy nước). Tại K20+ 300 kênh Nam xây dựng hệ thống công trình cấp nước dẫn về Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2035:

+ Đến năm 2035 nhu cầu dùng nước của Khu kinh tế Nghi Sơn sẽ là  $382.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ ; Tổng lượng nước cấp từ nguồn các hệ thống Bái Thượng, Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa, Hao Hao, Sông cầu Hung tính đến năm 2025 là:  $302.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , Như vậy, tầm nhìn đến năm 2035 thì nhu cầu nước Khu kinh tế Nghi Sơn tăng thêm so với năm 2025 là:  $101.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ ;

+ Để thỏa mãn được nhu cầu nước này, cần đầu tư xây dựng thêm hệ thống công trình lấy, dẫn và chứa nước với lưu lượng cần cung cấp là  $80.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , từ hồ Cửa Đạt về Khu kinh tế Nghi Sơn.

### **c) Nhà máy nước:**

- *Giai đoạn năm 2025:* Với nhu cầu tính toán  $284.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$

+ Nâng công suất nhà máy nước hiện có tại hồ Đồng Chùa từ  $60.000\text{m}^3/\text{ngđ}$  lên thành  $90.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ ; Lấy nguồn nước từ các hồ chứa nước Đồng Chùa, hồ Yên Mỹ cấp nước cho khu vực phía Đông Nam KKT Nghi Sơn;

+ Nhà máy nước tại hồ Quế Sơn công suất  $60.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$  cấp nước cho KKT Nghi Sơn. Lấy nguồn nước từ các hồ chứa Quế Sơn, hồ Yên Mỹ; cấp nước cho khu vực phía Tây Nam và một phần phía Đông Nam;

+ Xây dựng nhà máy nước tại hồ Hao Hao, xã Hải Nhân huyện Tĩnh Gia. Lấy nguồn nước từ hồ chứa Hao Hao, hồ Yên Mỹ, hồ Cửa Đạt  $105.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , cấp nước cho khu vực phía Tây Bắc và trung tâm đô thị;

+ Xây dựng Nhà máy nước Tân Dân tại phía Đông Nam xã Ngọc Lĩnh. Lấy nguồn nước từ hồ Cửa Đạt (qua kênh Nam và trạm bơm Tượng Sơn)  $20.000\text{m}^3/\text{ng.đ}$ , cấp nước cho khu vực phía Đông Bắc;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống (nằm ngoài KKT Nghi Sơn). Lấy nguồn nước từ hồ Sông Mực; công suất từ 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, lên 40.000m<sup>3</sup>/ng.đ, cấp nước cho khu vực phía Tây KKT Nghi Sơn và các xã khác thuộc huyện Nông Cống;

- *Giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050*: Với nhu cầu tính toán 385.000m<sup>3</sup>/ng.đêm

+ Nâng cấp Nhà máy nước tại hồ Hao Hao công suất từ 105.000m<sup>3</sup>/ng.đ, lên thành 125.000m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống công suất từ 40.000m<sup>3</sup>/ng.đ, lên thành 80.000m<sup>3</sup>/ng.đ;

+ Nâng cấp nhà máy nước tại xã Tân Dân công suất từ 20.000m<sup>3</sup>/ng.đ, lên thành 30.000000m<sup>3</sup>/ng.đ.

## **6.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang**

### **6.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải**

#### **a) Tổng hợp lượng nước thải phát sinh từng giai đoạn**

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt khu vực đô thị đến 2025: 231.000 m<sup>3</sup>/ng.đ (bao gồm cả nước thải công nghiệp sạch xen lẫn đô thị);

- Tổng lượng thải khu vực đô thị và công nghiệp đến 2035: 328.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

#### **b) Phân vùng mạng lưới thoát nước thải: chia thành 4 vùng lớn**

##### **- Vùng 1 khu vực khu kinh tế hiện hữu:**

+ Lưu vực 1: đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực công nghiệp phía Đông Nam khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 1 (đặt tại xã Hải Thượng) khoảng 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 2: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực công nghiệp phía Tây khu kinh tế hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 2 (đặt tại xã Tân Trường) khoảng 30.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 3: Đảm nhận nhiệm vụ thoát nước thải cho khu vực phía Bắc khu KT hiện hữu. Toàn bộ nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý nước thải số 3 (đặt tại xã Hải Bình) khoảng 35.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

##### **- Vùng 2 khu vực đô thị Trung tâm:**

+ Lưu vực 4: Đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Còng và các xã Nguyên Bình, Bình Minh, Hải Nhân, Hải Hòa, Ninh Hải. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 4 có công suất khoảng 40.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 5: Đảm nhận thoát nước thải cho khu giáo dục đào tạo R&D thuộc khu đô thị trung tâm. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 5 có công suất khoảng 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

**- Vùng 3 khu vực mở rộng về phía Tây Bắc:**

Khu đô thị Yên Mỹ và các xã Các Sơn, Công Bình, Công Chính, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ, Phú Sơn, Phú Lâm.

+ Lưu vực 6: đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Yên Mỹ và khu dân cư các xã Công Bình, Công Chính, Yên Lạc. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 6 có công suất khoảng 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 7: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp Phú Lâm. Nước thải được thu gom, dẫn về TXL số 7, công suất khoảng 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 8: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp phía Tây Bắc (gồm các xã Công Bình, Công Chính, Yên Lạc). Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 8 có công suất khoảng 35.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

**- Vùng 4 khu vực mở rộng phía Đông Bắc khu kinh tế:**

Khu vực công nghiệp phía Đông Bắc khu kinh tế, Đô thị Hải Ninh và dân cư các xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Châu.

+ Lưu vực 9: đảm nhận thoát nước thải cho khu đô thị Hải Ninh và các xã Tân Dân, Hải Lĩnh, Ninh Hải, Hải Châu. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 9 có công suất khoảng 35.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm;

+ Lưu vực 10: Đảm nhận thoát nước thải cho khu công nghiệp Đông Bắc của khu kinh tế. Nước thải được thu gom, dẫn về trạm xử lý số 10 có công suất khoảng 50.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

**6.5.2. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn**

- Tổng khối lượng CTR cần thu gom đến năm 2035 là: 2.490 tấn/ng.đêm;

- Mở rộng Khu xử lý chất thải tại xã Trường Lâm quy mô từ 60 ha lên 108,7 ha với công suất 2000 tấn/ng.đêm phục vụ nhu cầu xử lý CTR cho toàn bộ khu kinh tế.

**6.5.3. Quy hoạch nghĩa trang nhân dân**

Cải tạo Nghĩa trang Khu kinh tế Nghi Sơn tại khu vực sườn núi Lâm Động xã Xuân Lâm và xã Nguyên Bình khoảng 70 ha phục vụ nhu cầu cất táng

của khu kinh tế. Cải tạo Nghĩa trang núi Bọm thành công viên tâm linh, quy mô khoảng 30 ha. Trong giai đoạn trước mắt, các điểm dân cư nông thôn vẫn cho tồn tại các nghĩa trang tập trung có quy mô từ (0,5- 2,0)ha.

### **6.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc**

- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin liên lạc của Khu kinh tế Nghi Sơn phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của cả nước;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị sự nghiệp làm cơ sở triển khai Chính phủ điện tử;

- Hoàn thành việc xây dựng mạng diện rộng, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế - xã hội - văn hoá.

## **7. Các nội dung điều chỉnh chủ yếu:**

### **7.1. Điều chỉnh dự báo quy mô dân số phát triển khu kinh tế:**

- Điều chỉnh dự báo quy mô dân số toàn khu kinh tế đến năm 2025 khoảng 400.000 người (theo đề án cũ được duyệt là 230.000 người), trong đó khu vực thành thị khoảng 260.000 người, khu vực nông thôn khoảng 140.000 người; đến năm 2035 khoảng 500.000 người, trong đó dân số khu vực thành thị khoảng 420.000 người, khu vực nông thôn khoảng 80.000 người;

- Điều chỉnh nhu cầu đất xây dựng dân dụng trong đô thị đến năm 2025 khoảng 4.456,5ha (theo đề án cũ được duyệt khoảng 2.000ha), đến năm 2035 khoảng 5.289,3ha;

- Điều chỉnh dự báo nhu cầu đất phát triển công nghiệp trong khu kinh tế đến năm 2025 khoảng 7.200ha (theo đề án cũ được duyệt là 2.965ha); đến năm 2035 là 9.058,4ha; dự phòng đến năm 2050 lên tới 12.000ha. Tổng khối lượng hàng hóa thông qua Cảng Nghi Sơn đến năm 2035 đạt 101 triệu tấn.

### **7.2. Điều chỉnh chức năng sử dụng đất trong khu kinh tế hiện hữu:**

- Điều chỉnh chức năng khu phi thuế quan thành đất khu công nghiệp số 6 (đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại công văn số văn bản số 6596/VPCP-KTN ngày 21/8/2015);

- Điều chỉnh một phần khu dân cư Trường Lâm thành đất công nghiệp;

- Điều chỉnh khu vực phía Nam đường Đông Tây 2 thuộc xã Trúc Lâm từ đất đô thị thành đất công nghiệp sạch;

- Điều chỉnh thay thế 02 khu trung tâm đào tạo và dạy nghề theo quy hoạch cũ thành 01 trung tâm giáo dục đặt phía Tây khu trung tâm đô thị;

- Điều chỉnh khu dân cư tại xã Tĩnh Hải (từ khu phi thuế quan đến đường Đông Tây 2) thành khu hậu cần cảng, để phù hợp với định hướng mở rộng cảng về phía Bắc;

- Điều chỉnh bổ sung thêm Khu sinh thái, Trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở chuyên gia tại khu vực phụ cận các hồ Kim Giao, Quế Sơn, Đồng Chùa và một số vị trí khác ven sông Bạng;

- Điều chỉnh không phát triển công nghiệp tại các núi Chuột Chù, núi Cam, núi Cốc, đồi 74 mà giữ lại làm các điểm dịch vụ du lịch cảnh quan và sinh thái;

- Điều chỉnh chuyển một phần trung tâm dịch vụ công cộng tại xã Hải Thượng ra xã Nghi Sơn thành trung tâm dịch vụ công cộng và đô thị (phần đất đô thị nhằm mục đích giãn dân cho xã đảo Nghi Sơn, hiện nay đã quá chật chội, điều kiện ăn ở, sinh hoạt, vệ sinh môi trường của người dân không đảm bảo; và phát triển thành đô thị hiện đại, đẹp, là điểm nhấn cho khu vực Cảng Nghi Sơn);

- Điều chỉnh bổ sung quỹ đất phát triển ngành công nghiệp thép đúng theo Quyết định số 5254/QĐ-BCT ngày 28/5/2015 của Bộ Công thương; ưu tiên sản xuất thép chất lượng cao phục vụ công nghiệp chế tạo;

- Điều chỉnh, bổ sung tổng kho dầu thô, hóa chất dự kiến bố trí tại các Khu công nghiệp số 1, số 4, số 6.

### **7.3. Điều chỉnh hệ thống hạ tầng trong khu kinh tế hiện hữu:**

*- Về đường sắt:*

+ Điều chỉnh dịch chuyển vị trí quy hoạch ga đường sắt tại cảng biển về phía Nam tiếp giáp với Khu bến cảng container số 2; điều chỉnh xây dựng ga trung chuyển mới thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistic;

+ Điều chỉnh giữ nguyên tuyến đường sắt thống nhất Bắc-Nam theo hiện trạng (không cải dịch như phương án quy hoạch cũ đã được duyệt); điều chỉnh hướng tuyến đường sắt nối từ vị trí quy hoạch ga hàng hóa mới tại Trường Lâm kết nối ra ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn (tiếp giáp bến container số 2) qua hầm chui núi Bằng Me, núi Thung, chạy song song theo tuyến đường bộ Đông Tây 4; bỏ tuyến đường sắt và ga phục vụ khu phi thuế quan.

*- Về cảng biển:*

+ Điều chỉnh bổ sung thêm 2 bến về phía Đông khu cảng container số 2, đồng thời mở rộng phần khu hậu cần cảng container số 2 về phía Nam đến giáp ranh giới tỉnh Thanh Hóa với tỉnh Nghệ An; bổ sung đê chắn sóng phía Bắc để mở rộng thêm cảng biển từ phía Bắc nhà máy Lọc hóa dầu đến giáp đường Đông Tây 2; nâng khả năng phục vụ đáp ứng cho tàu quy mô 70.000 đến 100.000 DWT cập cảng;

+ Điều chỉnh bổ sung quy hoạch khu phát triển dịch vụ Logistic (theo Quyết định số 1401/QĐ-BGTVT ngày 26/5/2010 của Bộ Giao thông vận) tại vị trí quy hoạch Kho xăng dầu tại phía Nam Cảng Nghi Sơn.

*- Về giao thông đường bộ:*

+ Điều chỉnh, bổ sung một số tuyến đường giao thông chính, gồm: kết nối tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn với tuyến đường Bắc Nam 1B, đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn; cập nhật và mở rộng mặt cắt ngang tuyến đường 513, đường Bắc Nam 1B, đường Đông Tây 4 (lên 8 – 12 làn xe) thành trục chính kết nối Đông Tây; tịnh tiến đường Đông – Tây 3 về phía Bắc (tránh núi Cốc); điều chỉnh đường Đông Tây 4 đoạn tuyến ra đảo Biện Sơn; tương ứng điều chỉnh một số tuyến giao thông nội bộ;

+ Kéo dài tuyến đường bộ ven biển để kết nối vào đường Bắc Nam 1B;

+ Điều chỉnh cập nhật để phù hợp với dự án tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo đó tại Khu kinh tế Nghi Sơn chỉ có 01 nút giao liên thông với đường Nghi Sơn – Bãi Trành tại xã Tân Trường (theo quy hoạch cũ đã được duyệt thì có 04 nút giao liên thông); điều chỉnh 03 nút giao còn lại thành nút giao khác mức;

+ Điều chỉnh quy mô mặt cắt các tuyến đường và bổ sung thêm một số nút giao khác mức (chi tiết tại phần bản đồ quy hoạch giao thông).

*- Về cấp nước:*

+ Điều chỉnh dự báo nhu cầu cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2025 khoảng 200.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo quy hoạch cũ được duyệt là 140.000m<sup>3</sup>/ngày đêm); nhu cầu đến năm 2035 khoảng 380.000m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Điều chỉnh bổ sung phương án nguồn cấp nước thô cho Khu kinh tế Nghi Sơn được lấy từ kênh Nam hệ thống Bái Thượng, được dẫn từ hồ Cửa Đạt qua kênh chính hệ thống Bái Thượng;

+ Điều chỉnh vị trí nhà máy xử lý nước sạch tại hồ Kim Giao về hồ Quế Sơn, công suất 60.000 m<sup>3</sup>/ngàyđêm;

- *Về cấp điện*: Điều chỉnh phân bố lại mạng lưới đường điện, trạm điện phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn mở rộng.

- *Về vệ sinh môi trường*:

+ Điều chỉnh mở rộng quy mô quy hoạch Khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm từ 60 ha lên khoảng 108,7 ha;

+ Điều chỉnh Khu nghĩa địa quy hoạch tại sườn núi Xước thuộc xã Hải Thượng thành đất công nghiệp; điều chỉnh nghĩa địa quy hoạch tại xã Trường Lâm thành đất khu xử lý chất thải rắn; đồng thời mở rộng quy mô nghĩa trang (phía Tây Bắc quy hoạch chung cũ) tại xã Nguyên Bình và xây dựng thêm 01 nghĩa trang phía Bắc khu kinh tế mở rộng; lựa chọn, sắp xếp lại một nghĩa địa hiện có, từng bước xóa bỏ các nghĩa trang cũ không còn phù hợp quy hoạch;

+ Điều chỉnh phân bố lại mạng lưới và trạm xử lý nước thải phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn mở rộng.

#### **7.4. Điều chỉnh quy hoạch tại các khu vực mở rộng:**

Điều chỉnh quy hoạch tại các khu vực mở rộng để phù hợp với tổng thể Quy hoạch chung mở rộng gồm: quy hoạch chung xây dựng Đô thị trung tâm vùng huyện Tĩnh Gia; quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Ninh; quy hoạch chung đô thị Yên Mỹ; quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trong khu vực mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn.

Ngoài các nội dung điều chỉnh, bổ sung chính nêu trên, đồ án quy hoạch mới cũng điều chỉnh, bổ sung một số chức năng sử dụng đất và công trình hạ tầng kỹ thuật khác để phù hợp với phương án quy hoạch mở rộng và thực trạng phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn.

### **8. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư**

#### **8.1. Chương trình về cải tạo chỉnh trang đô thị**

- Kiểm soát chặt chẽ và lên kế hoạch giải toả đền bù đất đai, xây dựng khu trung tâm đô thị gắn với trực chính cảnh quan (trực chủ đạo);

- Xây dựng, cải tạo và bổ sung các trung tâm chuyên ngành như trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, trung tâm văn hóa, công viên vui chơi giải trí và thể dục thể thao. Xây dựng khu quảng trường gắn với trực chính cảnh quan;

- Cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong các khu dân cư hiện hữu đô thị;

- Cải tạo hệ thống công trình thoát nước mưa và hệ thống sông ngòi khu vực đô thị trung tâm kết hợp thiết kế cảnh quan và môi trường đô thị;
- Nâng cấp hệ thống thoát nước thải, thu gom CTR;

## **8.2. Chương trình phát triển mới**

- Công nghiệp: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp số 1, 2, 3, 4, 5, 6 nhằm đáp ứng đất công nghiệp giai đoạn trước mắt; xúc tiến đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, tổng kho dầu thô, ...; đầu tư chuẩn bị kỹ thuật, hạ tầng thiết yếu khu vực phía Tây đô thị trung tâm nhằm kêu gọi đầu tư xây dựng khu đào tạo, nghiên cứu và công nghiệp triển khai R&D gắn với tuyến đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

- Du lịch: hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch ven biển khu vực từ sông Ghép đến hết xã Hải Thanh, đảo Biện Sơn, đảo Hòn Mê; đầu tư xây dựng các công trình có tính chất tạo động lực nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của đô thị Yên Mỹ; kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án du lịch, sân golf tại khu vực hồ Yên Mỹ, khu sinh thái hồ Hao Hao, ...; quảng bá hình ảnh du lịch gắn với các tour tuyến du lịch tại khu kinh tế và các khu du lịch lân cận;

- Đô thị: Thực hiện các dự án phát triển nhà ở gắn với hệ thống hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật cho từng khu đô thị, đáp ứng việc cải tạo, sắp xếp tái định cư, nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân và hình thành đô thị;

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Cảng biển: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống HTKT cảng biển; đầu tư mở rộng cảng về phía Bắc và phía Nam; nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT – 100.000DWT;

+ Đường sắt: Xây dựng mới ga trung chuyển nằm tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistic;

+ Đường bộ: Hoàn thiện tuyến đường ven biển chạy quy KKT Nghi Sơn đi Nghệ An; xây dựng mới tuyến đường tránh Quốc lộ 1A kết nối với đường CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn; xây dựng mới tuyến đường CHK Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn kết nối trực tiếp vào cảng theo quy hoạch; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng giao thông khung;

+ Nâng cấp, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, cấp điện, viễn thông, thoát nước trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

+ Đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải tập trung cho Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu và khu đô thị trung tâm; mở rộng khu xử lý chất thải rắn tại xã



Trường Lâm; mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Nguyên Bình và xây mới nghĩa trang Núi Bọm.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày.....tháng.....năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng.....năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**

Số: 304 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 6 năm 2018

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1718/BQLKKTNS&KCN-QLQH ngày 22/6/2018 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết thông qua đồ án Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

#### **1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:**

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 34 và Điều 39 Luật Xây dựng năm 2014 thì Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao.

- Tại Khoản 4, Điều 34 Luật Xây dựng quy định “*Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt*”.

Căn cứ các quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là phù hợp và đúng thẩm quyền.

#### **2. Về tên gọi văn bản:**

Dự thảo có tên gọi là “*Nghị quyết về việc điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050*” là chưa phù hợp. Đề nghị sửa lại thành “*Nghị quyết về việc thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050*”, như vậy đầy đủ và chính xác.

#### **3. Về căn cứ pháp lý ban hành văn bản:**

Tại căn cứ thứ 02 dự thảo căn cứ “*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015*”. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung này, bởi dự thảo văn bản này không phải là văn bản QPPL.

#### 4. Về nội dung dự thảo Nghị quyết:

Điều 1 dự thảo quy định “Nhất trí thông qua Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 như các nội dung tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh” là không phù hợp. Lý do: Nội dung Nghị quyết là những nội dung chính được nêu trong Tờ trình. Nếu quy định như dự thảo thì nội dung Nghị quyết thông qua không được thể hiện ngay trong Nghị quyết. Mặt khác, Tờ trình là 01 phần hồ sơ để thuyết minh và trình để ban hành Nghị quyết. Nội dung Tờ trình gồm nhiều vấn đề; trong đó, có nội dung chính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Vì vậy, đề nghị bổ sung vào Điều 1 những nội dung chính, chủ yếu của Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

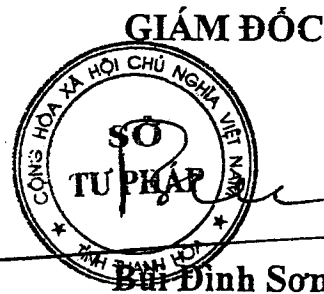
#### 5. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Tại phần số và ký hiệu: Dự thảo ghi “Số: /2018/NQ-HĐND”. Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại thành “Số: /NQ-HĐND”, bởi đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Kính chuyên Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp chỉnh lý lại dự thảo theo ý kiến nêu trên của Sở Tư pháp, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, XDVB



**KẾT LUẬN**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**  
**về Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 21 và 22/6/2018; sau khi nghe Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo (Báo cáo số 90/BC-BCS ngày 21/6/2018) xin ý kiến về việc tiếp thu, hoàn chỉnh Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Kết luận số 414-KL/TU ngày 01/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận:

1. Thống nhất đề Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Báo cáo số 90/BC-BCS ngày 21/6/2018.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục, hồ sơ Đồ án theo quy định, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

2. Giao Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thẩm tra kỹ lưỡng Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII.

Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Đảng đoàn HĐND tỉnh;
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh;
- Các đ/c Thường vụ Tỉnh ủy;
- Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và ĐT, Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**  
**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



**Đỗ Trọng Hưng**

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU

414-KL/TU

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2018

Số: 174/.....

ĐẾN Ngày: 01/6/.....

Chuyên: T.b.; p.b.; p.kh.

Lưu hồ sơ số: 174/.....

## KẾT LUẬN

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

về Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 24 và 25/5/2018; sau khi nghe Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo bổ sung, hoàn chỉnh Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Báo cáo số 58/BC-BCS ngày 22/5/2018); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận:

1. Cơ bản thống nhất với Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Ban cán sự đảng UBND tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh theo Kết luận số 299-KL/TU ngày 05/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Để Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn đảm bảo chất lượng tốt nhất, thực sự tạo ra động lực, đột phá cho sự phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn phải bổ sung, điều chỉnh các nội dung sau đây:

- Về mục tiêu: Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành thành phố công nghiệp xanh, đa ngành, đa lĩnh vực, hướng tới là đô thị thông minh, đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thanh Hóa, có quy mô dân số 500.000 người vào năm 2025, có môi trường sống tốt, xanh, sạch, đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, sinh kế cho người dân sống trong khu vực, nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong từng ngành, từng lĩnh vực phải chỉ rõ trụ cột phát triển để tập trung thu hút đầu tư, tạo ra động lực, sức lan tỏa phát triển cho ngành, lĩnh vực và Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Về tầm nhìn: Khu kinh tế Nghi Sơn trong tương lai gần trở thành khu kinh tế trọng điểm của cả nước, có tầm quốc tế. Thống nhất với định hướng 3 giai đoạn phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn (gồm: từ nay đến năm 2025, 2025-2035, 2035-2050) theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh; trong đó, phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt của cả 3 giai đoạn và mức độ thực hiện trong từng giai đoạn; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá cho từng giai đoạn, trên cơ sở đó có giải pháp huy động nguồn lực, phân kỳ đầu tư để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện quy hoạch. Chỉ rõ hơn, cụ thể hơn về nội hàm, căn cứ khoa học và thực tiễn, tính khả thi của 3 tầm nhìn, 6 định hướng cơ bản về phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn nêu trong đồ án quy hoạch.

- Về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng và đơn vị tư vấn rà soát, xác định các chỉ

tiêu kinh tế kỹ thuật, đảm bảo sát với tình hình thực tế, phù hợp với định hướng phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn, khả thi trong quá trình thực hiện.

- Về định hướng phát triển không gian: Thống nhất theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh; tuy nhiên, việc xây dựng 5 trung tâm phải quy hoạch rất rõ ràng, đặc biệt là bố trí các khu công nghiệp, các nhà máy chế biến hải sản, trang trại chăn nuôi... phải đảm bảo nguyên tắc không làm mất đi tiềm năng, lợi thế và phải phù hợp với mục tiêu, định hướng xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn; tính toán tạo sự kết nối, sự hỗ trợ phát triển giữa các trung tâm.

- Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống giao thông: Thực hiện đồng bộ các quy hoạch hiện có; các tuyến đường giao thông trong Khu kinh tế Nghi Sơn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, thì giữ nguyên theo quy hoạch. Thống nhất chuyển ga Trường Lâm sang vị trí mới tại Khu công nghiệp số 5 và bổ sung ga đường sắt cao tốc Bắc-Nam ở phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn, theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh.

+ Hệ thống điện: Bổ sung, cập nhật các quy hoạch lưới điện quốc gia, quy hoạch lưới điện khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống cấp điện trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Về dự án nhiệt điện Công Thanh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Hệ thống cấp nước: Thống nhất phương án cấp nước theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh; tuy nhiên, phải làm rõ phương án lấy nước từ hồ Cửa Đạt về Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo phân bổ nước hợp lý từ hồ Cửa Đạt về Khu kinh tế Nghi Sơn và từ hồ Cửa Đạt về thành phố Thanh Hóa, phục vụ đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống của người dân ở cả 2 khu vực. Có biện pháp bảo vệ nguồn nước tại hồ Cửa Đạt, hồ Sông Mực, hồ Yên Mỹ và các hồ, đập khác trong khu vực quy hoạch; việc bố trí các công trình, dự án trong khu vực các hồ chứa nước phải đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước.

- Về các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Kết luận số 299-KL/TU ngày 05/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng và đơn vị liên quan khẩn trương hoàn chỉnh Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo các yêu cầu nêu trên, báo cáo các Bộ, ngành Trung ương thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Cùng với hoàn chỉnh Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng, đơn vị liên quan thực hiện một số công việc sau đây:

- Rà soát các dự án ở khu vực ven biển thuộc địa bàn huyện Tĩnh Gia, nhất là khu vực xã Hải Hòa đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất; đối với các dự án không đầu tư, chậm tiến độ, phải làm rõ trách nhiệm của cơ quan

nhà nước, trách nhiệm của nhà đầu tư; kiên quyết thu hồi các dự án vi phạm quy định của Nhà nước và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án; tăng cường quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng, quản lý đất đai trong Khu kinh tế Nghi Sơn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để khởi công các dự án trong Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo theo đúng kế hoạch.

- Trong thời gian chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Tĩnh Gia tiếp tục thực hiện theo các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đối với các nhiệm vụ, công việc liên quan đến Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, thị huyện Tĩnh Gia, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi triển khai thực hiện.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Ban cán sự đảng UBND tỉnh;
- Các đ/c Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và ĐT, Tài chính, Giao thông - VT, Công thương, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN;
- Huyện ủy, UBND huyện Tĩnh Gia;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Đỗ Trọng Hưng

Số 299-KL/TU

Thanh Hóa, ngày 08/10/2017

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU	
Số:.....51.....	Ngày: 08/10/2017
<b>ĐẾN</b>	

## KẾT LUẬN

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THANH HÓA  
 về đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào ngày 26/12/2017; sau khi nghe Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Công văn số 214/BCS-UBND ngày 20/12/2017), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Việc điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 là công việc hết sức hệ trọng, nhằm thiết kế, định hình trong tương lai về một khu công nghiệp gắn với đô thị và các lĩnh vực khác. Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn là cơ sở quan trọng để Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tập trung khai thác tối đa những tiềm năng, lợi thế, tranh thủ thời cơ, vận hội mới, để tạo ra động lực mới, đột phá cho sự phát triển đi lên của Khu kinh tế Nghi Sơn và cả tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản thống nhất với đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, theo đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại Công văn số 214/BCS-UBND ngày 20/12/2017. Để tiếp tục hoàn chỉnh đồ án quy hoạch nêu trên đảm bảo đạt yêu cầu, chất lượng tốt nhất, cần điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau đây:

- Về mục tiêu: Xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành thành phố công nghiệp xanh, đa ngành, đa lĩnh vực, thân thiện với môi trường, phát triển bền vững, trong đó bao gồm các lĩnh vực: công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ,... gắn với phát triển đô thị, dịch vụ, thương mại và các hoạt động khác.

- Về tầm nhìn: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn phải đáp ứng được yêu cầu Khu kinh tế Nghi Sơn trở thành khu kinh tế trọng điểm của cả nước, có tầm thế giới.

- Về bản sắc: Phải thể hiện được bản sắc văn hóa Thanh Hóa, tạo đặc trưng phát triển riêng cho Khu kinh tế Nghi Sơn, có sức cạnh tranh cao ở trong nước và khu vực, tiến tới cạnh tranh quốc tế. Trên cơ sở đó, tính toán lại các giai đoạn phát



triển cho phù hợp, cụ thể; xác rõ định hướng, trọng tâm phát triển cho từng giai đoạn.

- Về yêu cầu phát triển: Khu kinh tế Nghi Sơn phát triển năng động, nhanh, có nhiều đột phá, đặc biệt là phải phát triển bền vững; trong đó hạt nhân phát triển là các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp cảng biển - kinh tế biển và dịch vụ logistics, cụ thể:

+ Về các ngành công nghiệp nặng: (1) Công nghiệp lọc hóa dầu, trọng tâm là khai thác hiệu quả dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, tính toán đến yếu tố đầu tư xây dựng giai đoạn 2 của dự án và đầu tư xây dựng Kho trung chuyển xăng dầu quy mô lớn ở cấp khu vực và quốc tế; (2) Công nghiệp xi măng (không mở rộng, nâng công suất các nhà máy xi măng hiện hữu), nhiệt điện (nghiên cứu lại dự án nhiệt điện Công Thanh); (3) Công nghiệp cơ khí chế tạo; (4) Công nghiệp sau lọc hóa dầu.

+ Về cảng biển và kinh tế biển: Tính toán phương án mở rộng cảng biển cho phù hợp, đồng thời tiến hành cải tạo, nạo vét luồng, nâng cao khả năng cho tàu có tải trọng lớn cập cảng, hướng tới mục tiêu trở thành trọng điểm trung chuyển hàng hóa của khu vực Nam đồng bằng Bắc bộ, tỉnh Nghệ An, các tỉnh Tây Bắc và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

+ Về các ngành dịch vụ: Tập trung phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu phục vụ cho các ngành công nghiệp, cảng biển và kinh tế biển.

- Về xây dựng đô thị: Chủ trọng quy hoạch, thiết kế, xây dựng các công trình phải rõ trường phái kiến trúc, có bản sắc riêng, đảm bảo kiến trúc đẹp, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; trong đó tập trung phát triển đô thị động lực Tĩnh Gia và các đô thị: Hải Châu, Hải Ninh, Yên Mỹ.

- Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống giao thông: Tiếp tục phát triển, mở rộng hệ thống các công trình giao thông đã được đầu tư để kết nối Khu kinh tế Nghi Sơn với các tỉnh, thành phố trong nước, các tỉnh của Nước CHDCND Lào và các nước trong khu vực ASEAN; trước mắt, ưu tiên đầu tư các tuyến đường kết nối với tỉnh Nghệ An. Tính toán thiết kế hệ thống mạng lưới giao thông đối nội phù hợp với yêu cầu, định hướng phát triển của các phân khu trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

+ Hệ thống cấp thoát nước: Tính toán kỹ lưỡng các phương án cấp nước, trong đó chủ yếu sử dụng phương án cấp nước mặt; tính toán phương án lấy nước từ Hồ Cửa Đạt về Khu kinh tế Nghi Sơn, hạn chế tối đa lấy nước ngầm. Nghiên cứu phương án giải quyết thật tốt việc thoát nước, tính toán kỹ từng trục thoát nước trong Khu kinh tế.

+ Hệ thống nghĩa trang, khu xử lý rác thải: Trước mắt, tiếp tục duy trì nghĩa trang hiện hữu của các xã trong Khu kinh tế Nghi Sơn; về lâu dài, nghiên cứu đầu tư xây dựng các khu nghĩa trang tập trung, đáp ứng yêu cầu đô thị khoảng 500 nghìn dân. Nghiên cứu thiết kế hệ thống nhà máy xử lý rác thải tập trung phù hợp

với định hướng phát triển của từng phân khu trong Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo không xảy ra ô nhiễm môi trường.

- Về thích ứng với biến đổi khí hậu: Yêu cầu việc thiết kế các công trình trong Khu kinh tế Nghi Sơn phải được cập nhật những thông số ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đảm bảo khả năng chống chịu với điều kiện thời tiết khắc nghiệt do ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

- Về văn hóa, du lịch, xã hội: Cơ bản thống nhất với Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn; tuy nhiên cần tính toán, bổ sung các công trình thể thao phù hợp, đáp ứng nhu cầu về thể dục, thể thao của người dân trong Khu kinh tế. Tính toán các yếu tố để đảm bảo an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch, giảm thiểu đến mức thấp nhất việc di dân khi thực hiện đầu tư các khu công nghiệp, đô thị.

2. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp, các sở, ngành liên quan hoàn chỉnh đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, theo các yêu cầu nêu trên, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 31/3/2018./.

Nơi nhận:

- Các đ/c Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh;
- Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Đỗ Trọng Hưng